NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

LỊCH SỬ NGÔN NGỮ NGƯỜI VIỆT THAM CHIẾU VỚI MỘT VÀI VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

TRẦN TRÍ DÕI*

TÓM TẮT: Trong tiến trình lịch sử văn hóa của một dân tộc, ngôn ngữ mà cộng đồng dân tộc đó sử dụng luôn giữ vai trò là một thành tố văn hóa của sự phát triển. Tuy nhiên, trong thời gian đã qua, khi giới thiệu về không ít nội dung liên quan đến văn hóa của tiến trình lịch sử Việt Nam, giới nghiên cứu thường ít chú ý sử dụng kết quả đã có của ngôn ngữ học lịch sử (comparative) để góp phần lí giải những vấn đề đang được đặt ra. Bài viết này, với cách tiếp cận liên ngành của khoa học nhân văn như hiện nay và từ góc nhìn của lịch sử ngôn ngữ người Việt, thử thảo luận về một vài nội dung văn hóa ở giai đoạn tiền sử hay sơ sử đang được thảo luận trên lãnh thổ Việt Nam. Bởi vì ở vào thời kì tiền sử hay sơ sử này có những nội dung văn hóa Việt Nam thường chỉ được dựa vào tư liệu lịch sử gián tiếp lưu truyền từ nguồn ngữ liệu tiếng Hán. Vì thế, những đóng góp mới gần đây của kết quả nghiên cứu về lịch sử ngôn ngữ người Việt, một thành tố văn hóa mà cộng đồng người Việt sử dụng vào giai đoạn đó, có lẽ là cần thiết và hữu ích cho việc giải thích vấn đề.

TỪ KHÓA: lịch sử văn hóa; lịch sử Việt Nam; ngôn ngữ người Việt; Lạc Việt.

NHẬN BÀI: 29/10/2025. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/01/2026

1. Đặt vấn đề

1.1. Chúng ta đều biết rằng ở góc nhìn về địa lí lịch sử thì hiện nay Việt Nam là một lãnh thổ thống nhất từ bắc (Hà Giang) vào nam (Cà Mau). Phần lãnh thổ này chính là phần địa lí thuộc phía đông của vùng Đông Nam Á lục địa (mainland southeast asia). Nhà Việt Nam học nổi tiếng Đào Duy Anh, khi nghiên cứu địa lí học lịch sử Việt Nam, cho biết vùng lãnh thổ đó "đã được xây dựng trên một quá trình hơn hai nghìn năm, nếu kể từ nước Âu Lạc là nhà nước đầu tiên của chúng ta xuất hiện trên lịch sử" (Đào D. A. 1997, tr.240). Cụ thể hóa nội dung như ông vừa viết ở trên, trong nội dung công trình nghiên cứu của mình, tác giả đã giành những trang đầu tiên viết về "Nước Văn Lang" được nhận diện là *"nước của các vị vua Hùng, con cháu của Lạc Long Quân và Âu Cơ"* (Đào Duy Anh, 1997, tr.17). Tiếp tục giải thích về địa lí đất nước của "các vị vua Hùng" trong thời kì lịch sử ấy, học giả Đào Duy Anh đã viết như sau "xét phạm vi của 15 bộ nước Văn Lang chép trong các sách sử cũ của ta thì thấy rằng phạm vi 15 bộ ấy gần như tương đương với địa bàn sinh tụ của người Lạc Việt, do đó chúng ta đã nhận định rằng nhân dân nước Văn Lang xưa chính là người Lạc Việt. Khảo cổ học đã cho chúng ta biết rằng người Lạc Việt ở miền bắc Việt Nam đã xây dựng một nền văn hóa đồ đồng mà thời kì toàn thịnh ở vào thế kỉ thứ III và thế kỉ thứ IV tr.c.ng" (Đào Duy Anh, 1997, tr.21-22).

Với thông tin như đoạn văn vừa được trích dẫn ở trên, rõ ràng, Đào Duy Anh đã cho chúng ta biết một số nội dung lịch sử quan trọng trong giai đoạn tiền sử và sơ sử (tức "vào thế kỉ thứ III và thế kỉ thứ IV tr.c.ng") trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay. Cụ thể là ở vào thời gian lịch sử đó, đã từng hiện diện một "nhà nước Văn Lang" mà về địa lí "gần như tương đương với địa bàn sinh tụ của người Lạc Việt" hay địa bàn ấy tương đương với địa bàn khảo cổ "nền văn hóa đồ đồng", tức văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam. Như vậy, chứng cứ khoa học của những thông tin được ông đưa ra, như cái cách ông diễn đạt trong văn bản, là căn cứ vào kết quả phân tích những "truyền thuyết xưa", là dựa vào những ghi chép "trong sách sử cũ của ta" và dựa vào kết quả nghiên cứu của khảo cổ học đã có. Khi diễn

**GS.TS; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội;*
Email: ttdoihanh@gmail.com

giải và phân tích như vậy về ý kiến của Đào Duy Anh, rõ ràng, chúng ta nhận thấy có một nội dung văn hóa liên quan đến Việt Nam là "địa bàn sinh tụ của người Lạc Việt", cũng là cư dân "nhà nước Văn Lang"; đồng thời qua ý kiến đã được trích dẫn, chúng ta nhận biết ý kiến đó được tác giả tổng hợp lại trên cơ sở những kết quả nghiên cứu khoa học nhân văn cụ thể là "truyền thuyết xưa", ghi chép "trong sách sử cũ" và kết quả nghiên cứu của khảo cổ học. Cách thức tiếp cận mà nhà Việt Nam học Đào Duy Anh thể hiện như vừa được trình bày cũng đã thấy hiện diện trước đó trong những công trình nghiên cứu của chính ông (Đào Duy Anh, 1950; 1954).

Những nội dung cũng như cách thức tiếp cận mà nhà Việt Nam học Đào Duy Anh diễn giải một cách chung nhất như vừa được trình bày ở trên, theo chúng tôi về cơ bản, đã được những người viết về lịch sử Việt Nam sử dụng qua những chi tiết và với mức độ khác nhau khi viết về thời kì "nhà nước Văn Lang" trong lịch sử Việt Nam. Chẳng hạn, các tác giả của công trình thông sử "Tiến trình lịch sử Việt Nam" đã viết rằng "Tư liệu thư tịch cổ cho biết thời Hùng Vương có các loại '*ruộng Lạc*' là ruộng và dân của công xã" (Nguyễn Quang Ngọc, 2000, tr.20). Nội dung như vừa được chúng tôi trích dẫn cho biết, đối với các tác giả, thời Hùng Vương là thời kì "có các loại '*ruộng Lạc*' là ruộng và dân", tức là người Lạc Việt; đồng thời đoạn trích ấy cung cấp cho chúng ta thông tin rằng nội dung đó là theo "Tư liệu thư tịch cổ", tức là dựa theo tư liệu lịch sử mặc dù đã không ghi rõ chỉ xuất cụ thể của nguồn "Tư liệu thư tịch cổ" ấy. Cũng tương tự như thế, ở một thông tin sau đó, các tác giả đã ghi rằng "Đứng đầu Nhà nước là Hùng Vương (vua Hùng). Chữ "*hùng*" theo các nhà ngôn ngữ học phân tích là những từ '*kun*' trong *lang kun* của người Mường, "*khun*" trong tiếng Môn-Khơme và tiếng Thái…nhằm để chỉ người tù trưởng, bậc thủ lĩnh" (Nguyễn Quang Ngọc, 2000, tr.25). Đoạn trích này tuy có ghi rõ là "theo các nhà ngôn ngữ học phân tích" nhưng cũng không cho biết điều đó được phân tích ở công trình ngôn ngữ ngữ học nào; cho nên nếu muốn tiếp tục nghiên cứu thì khó có thể tìm thấy được nguồn kiểm chứng. Như vậy, một vài phân tích mà chúng tôi vừa dẫn ra làm ví dụ ở trên cho biết trước đây ngôn ngữ học lịch sử vẫn chưa thật sự giúp ích được nhiều cho các tác giả viết về văn hóa hay thông sử khi nghiên cứu thời kì tiền sử hay sơ sử của Việt Nam. Đó là lí do vì sao chúng tôi nghĩ rằng cái cách mà nhà Việt Nam học Đào Duy Anh tiếp cận vẫn cần được tiếp tục phân tích trong những nghiên cứu tiếp theo.

Điều mà chúng tôi vừa nêu ra cũng được nhận thấy rất rõ trong nghiên cứu của một số tác giả khi họ thảo luận về văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử để lí giải cho lập luận của mình trong thời gian gần đây. Ví dụ, năm 2011, trong bài viết "*Nhận diện văn hóa Lạc Việt*" của Nguyễn Ngọc Thơ (Nguyễn N.T., 2011), tác giả phần lớn dựa vào ghi chép "trong sách sử cũ" mà nguồn ngữ liệu, theo tác giả, chủ yếu là từ nguồn tư liệu tiếng Hán. Một tác giả khác trong công trình hết sức công phu của mình có tên là "*Nguồn gốc người Việt - người Mường*" (Tạ Đức, 2013) cũng có cách tiếp cận, về cơ bản, là "tiếp nối" những gì mà nhà Việt Nam học Đào Duy Anh đã thể hiện trước đó. Ở công trình xuất bản 2013 này, tuy tác giả nhiều lần nhấn mạnh ông sử dụng tối đa kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học lịch sử nhưng trên thực tế chưa thấy tác giả thực sự sử dụng những kết luận cuối cùng của những nghiên cứu ngôn ngữ học đã được công bố trong thời gian gần đây. Vì thế, theo ý kiến riêng của chúng tôi, những tác giả mà chúng tôi vừa kể ở trên vẫn chỉ sử dụng kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học lịch sử cho nghiên cứu của mình về những vấn đề mà họ nêu ra ở mức hạn chế, có thể nói, là quá đơn giản. Ngay vào thời gian gần đây, khi mà ngôn ngữ học lịch sử đã có không ít những kết quả mới thảo luận về vấn đề "Lạc Việt" hay thời kì văn hóa Hùng Vương ở Việt Nam cả ở trong và ngoài nước ở góc nhìn ngôn ngữ học lịch sử, nhưng có những nhóm tác giả viết về vấn đề Lạc Việt chỉ giới hạnh ở mức "điểm tên" vẫn chưa thảo luận về kết quả nghiên cứu đã có của ngôn ngữ học lịch sử (Hong Hai Dinh and Kelley L.C, 2021). Nói một cách khác, việc sử dụng kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học về nội dung *Lạc Việt* ở các ngành khoa học nhân văn khác vẫn giới hạn ở mức thật sự khiêm tốn.

Chúng ta biết rằng một nhà Việt Nam học nổi tiếng ở Việt Nam, giáo sư Trần Quốc Vượng, khi nghiên cứu về văn hóa thời Hùng Vương đã có một ý kiến xác đáng khi nhận thấy vai trò của ngôn

ngữ học lịch sử đối với việc nghiên cứu văn hóa thời gian này. Cụ thể ông đã thể hiện quan điểm ấy như sau "Tài liệu khảo cổ của chúng ta tuy đã khá nhiều - và tương lai sẽ ngày càng phong phú - song, chúng ta không quên một *nhược điểm căn bản* loại tài liệu này, đó lả những tài liệu 'câm', và nhiều hiện vật khảo cổ (ví dụ cái 'chạc' gốm trong các di chỉ thời đại đồng thau Việt Nam) còn là tài liệu 'bí ẩn'"… Vì thế đối với ông phải "áp dụng phương pháp nghiên cứu tổng hợp để tìm hiểu một số khía cạnh cụ thể của lịch sử Việt Nam thời Hùng Vương"…Trong đó cần "Áp dụng phương pháp ngôn ngữ học, căn cứ vào tính quy luật biến âm chung của tiếng Việt, ta được kết quả: tên đó là phiên âm tiếng Việt cổ" (Trần Quốc Vượng, 1970, tr.149). Ý kiến của ông, như vậy, cho biết "để tìm hiểu một số khía cạnh cụ thể của lịch sử Việt Nam thời Hùng Vương" chúng ta không thể không sử dụng kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học lịch sử trên cơ sở "căn cứ vào tính quy luật biến âm chung của tiếng Việt".

Cách thức đặt vấn đề nói trên của Trần Quốc Vượng đã được giới nghiên cứu nhân học quốc tế ủng hộ. Chúng ta biết trong cuốn "Nguồn gốc của các xã hội nông nghiệp-những nhà nông đầu tiên" (Bellwood P., 2010), tác giả cũng đã viết rằng "Để hiểu biết quá trình lan tỏa văn hóa và nhân chủng trong lịch sử, chúng ta cần xem xét tư liệu của nhiều ngành nghiên cứu khác nhau. Đầu tiên chúng ta có khảo cổ học, ngành nghiên cứu các xã hội cổ đại từ những dấu tích vật chất của chúng để lại trên hay dưới mặt đất…Nhưng khảo cổ học cũng có những hạn chế rõ ràng bởi những bằng chứng đó thường rời rạc và đôi khi rất mơ hồ, do chúng thường phản ánh những khía cạnh ít quan trọng của đời sống con người…Thứ hai, chúng ta có ngôn ngữ học *so sánh*…Ngôn ngữ học so sánh có một lợi thế so với khảo cổ học, đó là cơ sở dữ liệu ngôn ngữ học, trong trường hợp của một sinh ngữ, thì thường hoàn chỉnh (một xã hội hoàn chỉnh không thể tồn tại mà chỉ sử dụng một nửa ngôn ngữ), nhưng các nhà ngôn ngữ học lại không thể thấy *trực tiếp* xuyên qua thời gian các cư dân cổ không có chữ viết trò truyện thực sự" (Bellwood P.,2010, tr.3).

Qua ý kiến của P.Bellwood vừa dẫn ra ở trên chúng ta nhận thấy đó có thể là một biến thể của một cách nhìn khác mà Trần Quốc Vượng đã từng phát biểu ở trên khi ông nhìn nhận vị thế của ngôn ngữ học trong nghiên cứu thời Hùng Vương ở Việt Nam. Thêm nữa, ý kiến của P.Bellwood nhấn mạnh vị thế thứ hai sau khảo cổ học của ngành ngôn ngữ học lịch sử để hiểu biết quá trình lan tỏa văn hóa và nhân chủng trong lịch sử. Đây rõ ràng là sự khẳng định giá trị không thể thiếu của ngôn ngữ học lịch sử trong nghiên cứu thời tiền sử và sơ sử. Đồng thời chúng tôi cũng xin lưu ý rằng P.Bellwood tuy nhấn mạnh khó khăn của "các nhà ngôn ngữ học lại không thể thấy *trực tiếp* xuyên qua thời gian các cư dân cổ không có chữ viết" nhưng đánh giá cao "cơ sở dữ liệu ngôn ngữ học, trong trường hợp của một sinh ngữ". Sự phân tầng vai trò của ngôn ngữ học lịch sử trong nghiên cứu văn hóa mà P.Bellwood nhận thấy, đối với chúng tôi, là rất có ý nghĩa trong cách thức tiếp cận liên ngành hiện nay. Và đó cũng là lí do vì sao chúng tôi góp thêm thảo luận về một vài nội dung văn hóa ở giai đoạn tiền sử hay sơ sử đang được trao đổi trên lãnh thổ Việt Nam từ góc nhìn của ngôn ngữ học trong bài viết này.

1.2. Vậy những nội dung văn hóa sẽ được thảo luận *trong tham chiếu với lịch sử ngôn ngữ người Việt* mà chúng tôi đề nghị sẽ là những nội dung gì? Theo chúng tôi để nhận diện những nội dung văn hóa trong tham chiếu với lịch sử ngôn ngữ người Việt, trước hết, sẽ phải là vấn đề nhận diện tiến trình lịch sử của ngôn ngữ người Việt trong mối quan hệ với tiến trình lịch sử Việt Nam. Cho đến hiện nay, gần như là chính thức hay không có tranh cãi, chúng ta đã có được một cách tường minh về tiến trình lịch sử Việt Nam ở thời kì tiền sử và sơ sử (Nguyễn Quang Ngọc, 2000, tr.11-35). Theo đó vào thời kì này của lịch sử Việt Nam, giới sử học cho là đã "hiện diện Nhà nước Văn Lang" của các vua Hùng và sau đó là sự kế tiếp "Nhà nước Âu Lạc" của An Dương Vương với cơ sở văn hóa là văn minh Đông Sơn. Theo phân định lịch sử mà giới khảo cổ học Việt Nam đã nhận điện, thời gian kết thúc văn hóa hay văn minh Đông Sơn ở Việt Nam là khoảng thế kỉ thứ II SCN như lời phát biểu của Hán Văn Khẩn (Hán V. K, 2011, tr.244). Như vậy, chúng ta có đủ kết quả nghiên cứu khảo cổ và sau đó là lịch sử để nhận thấy về mặt niên đại, thời kì tiền sử[1] cũng như thời kì sơ sử của lịch sử Việt

Nam có thời gian tương ứng với giai đoạn hiện diện văn hóa Đông Sơn, văn hóa làm cơ sở cho "Nhà nước Văn Lang" và "Nhà nước Âu Lạc" ở châu thổ sông Hồng.

Cho nên theo chúng tôi vấn đề văn hóa mà giáo sư Đào Duy Anh đề cập tới, vấn đề *người Lạc Việt* và *địa bàn* sinh sống của *cư dân Lạc Việt* trong lịch sử Việt Nam, là một nội dung cần có sự tham gia nghiên cứu liên ngành, trong đó không thể không có sự hiện diện của ngôn ngữ học lịch sử theo đúng những quy định bắt buộc của nó. Như chúng tôi vừa phân tích ở *tiểu mục 1.1*, sự vắng mặt của kết quả nghiên cứu từ ngôn ngữ học lịch sử đối với vấn đề được nêu ra, có lẽ, là vào quãng thời gian đó ngành khoa học này còn chưa đủ điều kiện ở mức cần thiết (dữ liệu sinh ngữ cũng như những kết quả nghiên cứu khác) để tham gia thảo luận vấn đề. Trong thời gian gần đây ở Việt Nam những kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học lịch sử đã nhiều hơn, và điều quan trọng là đáng tin cậy hơn nên đóng góp của ngành khoa hoc ngôn ngữ này trong việc nghiên lịch sử văn hóa trong thời kì tiền sử và sơ sử như mong muốn của giáo sư Trần Quốc Vượng và P. Bellwood là có thể thực hiện hay đáp ứng được.

1.3. Ở góc nhìn theo tiến trình lịch sử ngôn ngữ người Việt (Trần Trí Dõi, 2022; 2023, tr.32-65), chúng tôi đã từng đề nghị và sau đó đã chứng minh rằng tương ứng với lịch sử Việt Nam thuộc thời kì "nhà nước Văn Lang" và "Nhà nước Âu Lạc" là giai đoạn ngôn ngữ *tiền Việt* (proto Vietic, PV). Ở giai đoạn lịch sử này của ngôn ngữ người Việt, về mặt địa lí, địa bàn cư trú của cư dân sử dụng ngôn ngữ sẽ là cộng đồng cư dân nói những ngôn ngữ thuộc *nhóm tiếng Việt* (group of Vietic); nó tương ứng với địa bàn cư dân thuộc văn hóa Đông Sơn theo bản đồ mà chúng tôi đã từng phân tích và nhận diện (Trần Trí Dõi, 2020, tr.4) gồm lưu vực sông Hồng thuộc miền Bắc Việt Nam và vùng giữa của thung lũng sông Mê Công. Về thời gian lịch sử, giai đoạn ngôn ngữ *tiền Việt* có thời gian tương đối từ khoảng thế kỉ thứ II SCN trở về trước. Trong khoảng thời gian này, lịch sử Việt Nam là lịch sử của nhà nước Văn Lang (được xác định là thời kì Hùng Vương) và lịch sử của nhà nước Âu Lạc (được xác định là của An Dương Vương); đồng thời gồm có cả thời kì đầu của giai đoạn Bắc thuộc mà điểm nhấn lịch sử là kết thúc thời kì làm chủ của người Việt trong cuộc khởi nghĩa chống lại sự đô hộ của phong kiến nhà Hán do Hai Bà Trưng đứng đầu.

Còn về đặc điểm ngôn ngữ thì ở giai đoạn *tiền Việt* nó là một ngôn ngữ thuần Môn - Khmer gốc Nam Á. Tính thuần Nam Á này cho biết ngôn ngữ người Việt mặc dù đã có vay mượn từ những ngôn ngữ Nam Đảo, cũng đã có vay mượn từ ngôn ngữ nhóm tiếng Hán (Sinitic); nhưng những vay mượn từ ngôn ngữ nhóm tiếng Hán chỉ là do tiếp xúc thương mại mà vốn từ cơ bản thuần Nam Á còn chưa xuất hiện hay chưa từng sử dụng. Mặt khác, tính thuần Nam Á này được xác nhận ngôn ngữ người Việt ở giai đoạn *tiền Việt* là một ngôn ngữ còn *chưa xuất hiện thanh điệu* và đây chính là dấu hiệu ngữ âm lịch sử quan trọng nhất để nhận diện sự biến đổi của ngôn ngữ (Trần Trí Dõi, 2022, tr.235-260). Hai đặc ngôn ngữ thể hiện ở giai đoạn tiền Việt trong lịch sử ngôn ngữ người Việt mà chúng tôi vừa nêu ra ở trên, theo chúng tôi, là những chứng cứ ngôn ngữ học lịch sử quan trọng sẽ góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề văn hóa trong lịch sử Việt Nam. Như vậy, trong quy chiếu với lịch sử ngôn ngữ người Việt, những nội dung văn hóa liên quan đến tên gọi Lạc Việt (gồm *người Lạc Việt* và *địa bàn của người Lạc Việt*) mà giáo sư Đào Duy Anh và một số nhà nghiên cứu khác nêu ra rõ ràng cần có thêm những giải thích từ góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử, cụ thể là trên cơ sở những đặc điểm ngôn ngữ thuộc giai đoạn này của lịch sử ngôn ngữ người Việt.

Để cung cấp thêm những góc nhìn khác nhau về những nội dung văn hóa liên quan đến tên gọi Lạc Việt mà chúng tôi sẽ thảo luận dưới đây, có lẽ, chúng tôi xin giải thích thêm đôi điều về thuật ngữ *ngôn ngữ người Việt* (language of Vietic) mà chủ đích không dùng thuật ngữ thuật ngữ trước đây là *tiếng Việt*. Về thuật ngữ này, trong một bài được công bố (Trần Trí Dõi, 2023) gần đây chúng tôi đã có một lí giải cụ thể và chi tiết. Theo đó, chúng tôi đề nghị cần phân biệt nội hàm thuật ngữ "*ngôn ngữ người Việt* (language of Vietic)" với thuật ngữ "*tiếng Việt* (Vietnamese language hay Vietnamese)". Cụ thể nếu "thuật ngữ *tiếng Việt* để thể hiện quá trình lịch sử của tiếng nói mà cộng đồng cư dân sử dụng ngôn ngữ này đã sử dụng từ giai đoạn *tiền Việt* (proto Vietic) cho đến hiện nay

thì, như đã được giải thích ở trên, có thể sẽ làm cho không ít người nghĩ rằng nó không bao gồm lịch sử của những ngôn ngữ khác trong cùng nhóm với tiếng Việt. Mà trên thực tế, những ngôn ngữ trong cùng nhóm tiếng Việt luôn luôn là một phần biến đổi lịch sử của tiếng Việt. Chính vì thế, thuật ngữ "*ngôn ngữ người Việt*", đối với chúng tôi, thể hiện được đầy đủ nội hàm quan trọng này hơn" thuật ngữ "*tiếng Việt*" vốn vẫn được dùng từ trước đến nay (Trần Trí Dõi, 2023, tr.40-41) trong các nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ.

2. Nội hàm khái niệm "Lạc Việt" từ góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử

2.1. Những cách tiếp cận đã có khi giải thích về khái niệm "Lạc Việt"

Chúng ta đều biết rằng theo học giả Đào Duy Anh thì "phạm vi của 15 bộ nước Văn Lang chép trong các sách sử cũ của ta thì…gần như tương đương với địa bàn sinh tụ của người Lạc Việt, do đó chúng ta đã nhận định rằng nhân dân nước Văn Lang xưa chính là người Lạc Việt. Khảo cổ học đã cho chúng ta biết rằng người Lạc Việt ở miền bắc Việt Nam đã xây dựng một nền văn hóa đồ đồng mà thời kì toàn thịnh ở vào thế kỉ thứ III và thế kỉ thứ IV tr.c.ng" (Đào D. A, 1997, tr.21-22). Như vậy theo như cách lập luận của nhà Việt Nam học này, địa bàn sinh tụ của người Lạc Việt được "ghi chép trong sách sử cũ của ta"; và "Khảo cổ học đã cho chúng ta biết rằng người Lạc Việt ở miền bắc Việt Nam đã xây dựng một nền văn hóa đồ đồng mà thời kì toàn thịnh ở vào thế kỉ thứ III và thế kỉ thứ IV tr.c.ng". Với lô gic hay cách tiếp cận như thế, ông kết luận rằng "nhân dân nước Văn Lang xưa chính là người Lạc Việt". Tuy với mức độ có khác nhau nhưng về bản chất lập luận của Nguyễn Ngọc Thơ (Nguyễn N.T, 2011) cũng như của Tạ Đức (Tạ Đ, 2013) trong những năm gần đây cũng đều giới hạn ở cách thức tiếp cận đó.

Cụ thể, Nguyễn Ngọc Thơ đã mặc định rằng "Chủng tộc, văn hóa và ngôn ngữ Lạc Việt hình thành và phát triển trong khung văn hóa Bách Việt mà không gian gốc của nó là vùng Lĩnh Nam" (Nguyễn N.T, 2011, tr.87). Dựa vào những kiến giải của nhiều học giả Trung Quốc và nước ngoài trên cơ sở "chiết tự" tự dạng chữ Hán ông viết rằng "Bản thân từ "Việt" (越) là do người phương Bắc đặt ra... Đông đảo giới học thuật thống nhất chung rằng từ "Việt" xuất phát từ hình ảnh cái rìu (戉 /yue/, rìu đá, rìu đồng, một di vật văn hóa độc đáo của người Việt cổ nên người Hoa Hạ - Hán dùng từ này để chỉ người Việt, sau biến thể thành (越)..." (Nguyễn N. T, 2011, tr.88]. Còn "Về danh từ Lạc Việt, người Việt Nam có thuyết cho rằng từ Lạc (駱), Lạc bộ Mã xuất phát từ tên gọi "nước" trong tiếng Việt cổ (nước = nác, sau chuyển thành Lác, Lạc) (Vũ Thế Ngọc, 1974, 2005). Ngoài ra cũng có một quan niệm cho Lạc (駱) bắt nguồn từ "Lúa" hay "Ló", "loài ngựa trắng bờm đen" (theo sách *Tống Bản Quảng Vận* đời Tống), "con lạc đà" (Karlgren và L.Weiger), "chảy rần rật hay trôi cuồn cuộn" (xem thêm Nguyễn Duy Hinh (2004, tr.56-59)), v.v. Ngoài Lạc bộ Mã (駱), còn có Lạc bộ Chuy (雒), xuất hiện trong *Giao Châu ngoại vực ký* (thế kỉ IV) và Thủy Kinh Chú (thế kỉ VI), nghĩa là "một loài chim"; và Lạc bộ Trãi (絡), chỉ "một dân tộc phía bắc Trung Quốc" hay "một loại chồn". Các lối giải thích xa này đều không gắn được với các thuật ngữ Lạc vương, Lạc dân, Lạc điền, chủ nhân của nền văn hóa Phùng Nguyên với đỉnh cao là văn minh Đông Sơn sông nước" (Nguyễn N. T., 2011, tr.102). Có thể thấy, trên đại thể, những kết luận như thế đều là do suy luận dựa vào tự dạng của chữ Hán; nó hầu như chưa có cơ sở dữ liệu để minh chứng minh, vì lô gic cũng như ngữ nghĩa của những nội hàm tư liệu được dẫn ra để biện giải cho ý kiến đó hầu như không tương ứng với niên đại của sự kiện đang được thảo luận. Nói một cách cụ thể hơn, tư liệu được dẫn ra ở đây đều là *sử liệu đồng đại* hoặc được chỉ "giải thích" về khái niệm sau đó hàng mấy thế kỉ.

Năm 2013, tác giả Tạ Đức một lần nữa nhắc lại rằng tên gọi "Lạc Việt" là vừa để chỉ một "nước (tức *quốc gia*)" vừa để chỉ "cư dân" tức những "*người*" cư trú ở quốc gia đó tương tự như cách giải thích trước đây của Đào Duy Anh. Đẩy xa hơn về thời gian lịch sử ông cho rằng người Lạc Việt đã hiện diện cách đây "khoảng 4500-5000 năm" ở vùng Chiết Giang, sau đó di cư đến Hà Nam, sau đó nữa đã di chuyển đến Thiểm Tây, Hồ Bắc; và từ năm 690 TCN thì di cư đến Hồ Nam rồi từ đây mở

rộng vùng lãnh thổ xuống phía nam và lập "nước Văn Lang ở vùng đồng bằng sông Hồng"[2] (Tạ Đức, 2013, tr.814). Đây có lẽ là một giả thiết dường như "cập nhật" nhất hiện nay giải thích về nguồn gốc và quá trình di cư của người Lạc Việt cũng như tên gọi Lạc Việt. Có thể thấy, đối với Tạ Đức, mặc dù nhận biết người Lạc Việt là chủ nhân của "nước Văn Lang ở vùng đồng bằng sông Hồng" thời kì văn hóa Đông Sơn; nhưng, theo ông, cộng đồng đó vốn gốc từ vùng Hồ Nam miền trung Trung Quốc, di cư đến đến miền bắc Việt Nam và định cư ở đây từ khoảng giữa thiên niên kỉ thứ nhất trước Công nguyên. Chúng tôi (Trần Trí Dõi, 2022, tr.460-563) cũng đã từng phân tích và cho rằng giả thiết nói trên của ông, đúng như tác giả tự đánh giá là "đồng thuận với... thuyết Họ Hồng Bàng cũng như cách lí giải trong hai công trình của hai học giả Đào Duy Anh (1957) và Bình Nguyên Lộc (1971) thế kỉ trước" (Tạ Đức, 2013, tr.816); có chăng Tạ Đức đẩy niên đại tên gọi Lạc Việt lên thời gian sớm hơn "khoảng 4500-5000 năm" mà không thấy đưa ra chứng cứ lịch sử hay ngôn ngữ.

Như vậy nếu từ góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử thì những ý kiến thảo luận của các tác giả vừa được nhắc đến, cho dù đã nhấn mạnh rằng có sử dụng kết quả của nghiên cứu ngôn ngữ học, nhưng chúng tôi nhận thấy đều chưa đáp ứng được nguyên tắc phân tích của chuyên ngành khoa học này. Bởi vì, như P. Bellwood đã phát biểu "Ngôn ngữ học so sánh có một lợi thế…, đó là cơ sở dữ liệu ngôn ngữ học, trong trường hợp của một sinh ngữ". Nhưng nếu từ góc nhìn "sinh ngữ", người ta sẽ nhận thấy hầu như những phân tích về ngôn ngữ học mà các tác giả nói trên dẫn ra để chứng minh cho lập luận của họ hầu như đều bỏ qua hay chưa chú ý đầy đủ đến nguyên tắc "hồi quan (retrospective)", một nguyên tắc của ngôn ngữ học lịch sử do P. Saussure xác định trong nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ (Saussure F. de.,1973). Nói một cách khác, cơ sở dữ liệu ngôn ngữ học mà các tác giả được chúng tôi nhắc đến đều chưa phân biệt rõ ràng sự khác nhau giữa giá trị "đồng đại (synchronic)" và giá trị "lịch đại (diachronic)" trên cơ sở phân tích và tôn trọng "những quy luật ngữ âm lịch sử" như cách nói của Trần Quốc Vượng. Cho nên, đối với chúng tôi, có thể nghĩ rằng tuy ngôn ngữ học lịch sử giữ vị trí thứ hai (sau khảo cổ học) trong nghiên cứu "nhà nước Văn Lang" như cách nói của P. Bellwood nhưng những tác giả như nhà Việt Nam học Đào Duy Anh và những người khác, vì những lí do khác nhau, vẫn còn chưa thực sự sử dụng được kết quả nghiên cứu của ngành khoa học này. Vì thế, rõ ràng, cần có sự góp mặt của những kết quả nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ mới tuân thủ đầy đủ nguyên tắc nghiên cứu của ngôn ngữ học *so sánh* (hay *so sánh - lịch sử*, comparative) đã được công bố trong những năm gần đây.

Cách tiếp cận còn lại, như cách nói của cụ Đào Duy Anh, là vấn đề "ghi chép…trong sách sử cũ". Theo chúng tôi, nếu xét theo nguyên tắc lịch sử, thì đây mới chính là nguồn tài nguyên hay nguồn dữ liệu được coi là cứ liệu quan trọng nhất và cũng là đáng tin cậy nhất để tìm hiểu về nội hàm văn hóa Lạc Việt, một khái niệm đã hiện diện vào thời kì trước Công nguyên, cách chúng ta ngày nay hơn hai nghìn năm. Cho nên, rõ ràng, những nội dung cũng như cách "ghi chép" được cho là đã có trong lịch sử (cả ở Việt Nam và Trung Quốc) hàm chứa những vấn đề phải được tiến hành phân tích và kiểm chứng lại dựa theo "nguyên tắc lịch sử" khi chúng ta sử dụng chúng trong nghiên cứu. Từ góc nhìn như thế của ngôn ngữ học lịch sử, chúng tôi nhận thấy những "ghi chép…trong sách sử cũ" đó cần phải được làm sáng tỏ những khía cạnh cụ thể sau đây.

Thứ nhất, đó là *thời gian xuất hiện* tên gọi *Lạc Việt* trong sử sách ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam. Cho đến hiện nay, kết quả khảo chứng về văn tự học đã có đều ghi nhận một kết quả đáng tin cậy về thời gian tên gọi *Lạc Việt* được ghi lại hay được xuất hiện trong thư tịch (Trần Trí Dõi, 2022, tr.490-510). Cụ thể, nó được nhắc đến lần đầu vào thế kỉ thứ III (291-235 TCn) trong tập *Lã Thị Xuân Thu* của nhóm Lã Bất Vi; nhưng vào thế kỉ III TCn ấy, tên gọi được ghi là *Việt Lạc* (Mông Văn Thông, 1983, tr.82-88) chứ không phải là *Lạc Việt*. Sau đó, trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên (145-86 TCn), chúng ta chỉ thấy nhà sử học nổi tiếng Trung Hoa này ghi thêm yếu tố *Lạc* trong một số tổ hợp (như Âu Lạc, Tây Âu Lạc mà cũng không có Lạc Việt) để nói về những tên gọi liên quan đến nhà nước Nam Việt trong một khối mà ông gọi tên là *Bách Việt* ở phía nam sông Dương Tử; sau đó nữa, chỉ từ bộ *Hán thư* của Ban Cố (thế kỉ I SCn), tên gọi Lạc Việt trong truyện "*Giả Quyên Chi* truyện"

mới chính thức xuất hiện trong sử sách Trung Quốc (Ferlus M., 2008). Như vậy, với thời gian xuất hiện trong thư tịch Trung Quốc như vừa được mô tả, có thể thấy về niên đại, *Lạc Việt* đã được ghi lại bằng *chữ Hán* ở vào giai đoạn *tiếng Hán cổ* (Old Chinese, OC); và ở giai đoạn lịch sử này của tiếng Hán, nó tương ứng với giai đoạn *tiền Việt* của lịch sử ngôn ngữ người Việt.

Do thời gian và tình trạng xuất hiện thông tin về tên gọi *Lạc Việt* trong sử sách như vừa được nói ở trên, chúng ta có thể nhận thấy rằng hầu như tất cả những giải thích sau đó tiếp theo đối với tên gọi *Lạc Việt* đều là phụ thuộc vào nhận thức chủ quan của những tác giả cổ sử viết về tên gọi này trong các tài liệu của các học giả Trung Quốc. Tình trạng xử lí "phụ thuộc vào nhận thức chủ quan" mà chúng tôi nêu ra là có cơ sở; vì, chẳng hạn như, tên gọi *Lạc Việt* được dùng lại trong *Hậu Hán thư* (Phạm D., 1965) là ở vào thế kỉ thứ V, với một khoảng thời gian so với tài liệu *Hán thư* trước đó là 04 thế kỉ. Mặt khác, người ta chưa thấy được những ghi chép chứng minh những tác giả cổ sử viết về tên gọi này hiện diện ở điểm địa lí của tên gọi hay họ có thêm được những ghi chép lịch sử cụ thể trong khoảng thời gian dài hàng nhiều thế kỉ như thế. Cho nên, nhiều khả năng những thảo luận thực sự khoa học về nội dung thực chất cũng như vị trí địa lí của tên gọi ở trạng thái "bất phân thắng bại" mà các học giả Trung Quốc hiện nay đang thể hiện (Mông Văn Thông, 1983; Tưởng Bính Chiêu,…1988) đối với tên gọi được xuất hiện đầy đủ từ thế kỉ thứ ISCn mà chúng ta có thể theo dõi là chứng cứ hay cơ sở của nhận xét mà chúng tôi vừa nêu ra.

Còn vấn đề "ghi chép …trong sách sử cũ" ở Việt Nam thì, về nội dung này, trong một nghiên cứu đã được xuất bản năm 2022 (Trần Trí Dõi, 2022, tr.500-603) chúng tôi đã có một trình bày tương đối chi tiết. Ở đây chỉ xin tóm tắt ngắn gọi như sau. Trong ghi chép về "Kỉ Hồng Bàng thị" ở bộ sách "Đại Việt sử ký toàn thư" thế kỉ XV, là tài liệu chính sử đầu tiên của Việt Nam (Viện KHXH Việt Nam. 1993, tập 1, tr.131-135) đã không sử dụng tên gọi *Lạc Việt* để chỉ "nước Văn Lang" và cư dân nhà nước Văn Lang. Còn ở những ghi chép "dân gian" thì *Lĩnh Nam chích quái* thuộc thế kỉ XIII (Vũ Quỳnh - Kiều Phú 1960, tr 11) cũng như *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên thế kỉ XIV (Lý Tế Xuyên. 2001, tr.91-108) thì chỉ sử dụng tổ hợp "Lạc hầu" mà không thấy xuất hiện tên gọi "Lạc Việt"[3] khi viết về truyền thuyết của thời kì Văn Lang - Âu Lạc. Tuy nhiên, trong cuốn "Dư địa chí" của Nguyễn Trãi thuộc thế kỉ XV (năm 1438), người ta đã thấy xuất hiện tên gọi này. Thế nhưng, trong phần viết về *Kinh Dương Vương* và *Hùng Vương* tên gọi *Lạc Việt* vẫn chưa được sử dụng mà chỉ ở mục giải thích "... khi nhà Hán đánh được Triệu", *Dư địa chí* mới viết như sau: "Sách *Dư địa chí*[4] chép: quận Giao - chỉ ở đời Chu là Lạc - Việt, ở đời Tần là Tây - âu" (Nguyễn Trãi, 1976, tr.212). Như vậy, vào thế kỉ XV (năm 1438) trong cuốn "Dư địa chí" của Nguyễn Trãi mới dùng tên gọi *Lạc Việt*; và có thể xác định đây mới là thời gian hiện diện tên gọi "Lạc Việt" sớm nhất trong một tài liệu địa lịch sử chính thức ở Việt Nam. Và điều quan trọng là nội dung tên gọi Lạc Việt ở đây là dựa theo lời chú giải trong cuốn *Dư địa chí* của Cố Dã Vương (Cố Hy Phùng) là người Trung Quốc viết vào thế kỉ thứ VI, vào thời gian tên gọi được xuất hiện lần đầu khoảng 8 (so với *Lã Thị Xuân Thu*) hay 05 (so với *Hán thư*) thế kỉ. Còn trong bộ chính sử thời nhà Nguyễn, bộ "Khâm định Việt sử thông giám cương mục" (gọi tắt là bộ "*Cương mục*") do *Quốc sử quán triều Nguyễn* thời Tự Đức biên soạn vào cuối thế kỉ thứ XIX (năm 1856-1881) ở phần *tiền biên*, trong số những tên gọi liên quan đến thời Hùng Vương cũng không thấy bộ sử nhắc đến tên gọi Lạc Việt. Chỉ khi viết về "nước Âu Lạc" của "Thục An Dương Vương" trong "Lời chua" giải thích về địa danh Phong Khê nơi đóng đô của vua An Dương Vương các tác giả "Cương mục" mới ghi như sau: "Âu Lạc: Theo *Dư địa chí* của Cổ Hy Phùng, Giao Chỉ về đời Chu gọi là Lạc Việt, về đời Tần gọi là Tây Âu, thế thì đất Tây Âu Lạc lại ở về phía tây Phiên Ngô" (Viện Sử học, 1998, tr.79). Và lần thứ hai cũng trong "Lời chua" giải thích về việc "bắt Tây Âu lệ thuộc" Nam Việt của Triệu Đà, các sử gia "Cương mục" cũng chua như sau: "*Tây Âu lệ thuộc phục dịch*: Theo lời chú giải của Nhan Sư Cổ, Tây Âu tức là Lạc Việt. Tây Âu là một bộ phận trong Lạc Việt. Ý nói lệ thuộc và phục dịch nước Nam Việt" (Viện Sử học, 1998, tr.92). Như vậy, với những gì mà chúng tôi vừa tóm tắt ở trên có thể nói rằng "ghi chép…trong sách sử cũ" mà nhà Việt Nam học Đào Duy Anh nói đến cũng chỉ có niên đại vào thế kỉ XV và điều quan trọng là

cũng đều dựa vào các sử liệu của người Trung Quốc viết từ thế kỉ thứ V trở về sau. Trong một tình trạng *tư liệu giải thích* nội dung tên gọi Lạc Việt trong ghi chép lịch sử đều *không cùng niên đại* với thời gian xuất hiện tên gọi trong sử sách như vừa dẫn ra ở trên, chúng tôi nghĩ rằng cách thức tiếp cận mà ngôn ngữ học thực hiện sẽ, có lẽ, góp phần hữu ích trong việc giải thích nội hàm của tên gọi.

2.2. Khái niệm "Lạc Việt" và "Bách Việt" ở góc nhìn lịch sử ngôn ngữ

Để hiểu rõ nội hàm từ nguyên của tên gọi *Lạc Việt*, ngôn ngữ học lịch sử đã chứng minh rằng tên gọi này phải được đặt trong một nội hàm tên gọi khác là *Bách Việt*. Và về nội dung chi tiết của vấn đề đó, chúng tôi cũng đã có một phân tích với những góc nhìn khác nhau trong một nghiên cứu xuất bản năm 2022 (Trần Trí Dõi, 2022, tr.490-531). Để tránh sự dài dòng và lặp lại không cần thiết, ở đây chỉ xin tóm lược những phân tích và lí giải đã được công bố. Trước hết là nói về tên gọi *Bách Việt* (**百越**, Băiyuè). Đây là cách người Trung Quốc Tư Mã Thiên dùng trong tập *Sử ký* để phiếm gọi một vùng lãnh thổ phía nam sông Dương Tử. Ở góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử, nhà ngôn ngữ học M. Ferlus đã viết như sau: "Những chữ được sử dụng ở đây là chữ ghi âm (phonogrammes) dùng để ghi lại những tên gọi không thuộc Hán; cho nên ý nghĩa của tổ hợp "Bách Việt" không thể giải thích bằng ý nghĩa của từng yếu tố hợp thành tổ hợp, tức ở đây cách giải thích nghĩa mà theo đó "băi **百**, bách" là "một trăm (cent)" và "yuè **越**, việt)" là "cái qua (hache de guerre)"" (Ferlus M., 2011, tr.1) là cách giải thích không logic xét theo nguyên tắc ghi âm[5] theo góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử. Vì thế, ông viết "Cho nên, phải tiến hành xem xét lại giá trị ngữ âm của chúng và so sánh những chỉ dẫn về tộc người giữa dạng thức cổ xưa và dạng thức hiện nay" (Ferlus M., 2011, tr.1)[6] để từ đó hiểu về "nghĩa" của chúng đúng như cách thức mà P.Bellwood trình bày khi ông phân tích về lợi thế của ngôn ngữ học lịch sử trong nghiên cứu văn hóa thời kì tiền sử.

Cho nên, qua cách giải thích của M. Ferlus về khái niệm "Bách Việt" (**百越**, Băiyuè) trong "Sử ký" của Tư Mã Thiên, người ta có thể nhận thấy "*wat với nét nghĩa "vùng lãnh thổ (territoire délimité)" đã là một khái niệm có nguồn gốc ngôn ngữ Nam Á gia nhập vào tiếng Hán cổ nhưng về sau đã hoàn toàn mất đi trong cách dùng của chính người Hán (nghĩa là chữ Hán ấy không còn được lưu giữ nét ý nghĩa ban đầu khi từ này được vay mượn vào tiếng Hán ...), trong khi đó nét nghĩa ấy vẫn được duy trì ở những ngôn ngữ bên ngoài (ở những vùng đất ở phía nam Trung Quốc); và âm đó được viết bằng chữ Hán biểu âm (phonogramme) **越** (SV: *việt*, bính âm: *yuè*) có yếu tố chỉ nghĩa trong chữ Hán cổ là "cái búa lớn (hache de combat)", rồi sau đó nó lại được vay mượn trở lại vào tiếng Khmer và sau đó là được vay mượn ở cả tiếng Thái"[7] (Ferlus M.,2011, tr.5). Và như vậy, tên gọi "Bách Việt" (**百越**, Băiyuè) trong "Sử ký" của Tư Mã Thiên ở giai đoạn tiếng Hán cổ (OC) là dùng để gọi tên vùng "đất phía Lĩnh Nam với nhiều tiểu vùng khác nhau (nhiều *wat - **越** khác nhau)"; về sau, có thể từ giai đoạn tiếng Hán trung đại (MC), chữ **越** mới được giải thích như là tên riêng để gọi tên một "quốc (nước)".

Và khi đã giải thích "Việt **越**" trong "Bách Việt" (**百越**) là như trên thì "Lạc Việt **雒 越**) ở giai đoạn tiếng Hán cổ (OC) cũng không mang giá trị như một định danh để chỉ gọi tên một "quốc (nước)". Về bản chất, ở giai đoạn Hán cổ người Hán dùng chữ Hán **雒 越** để ghi lại âm đọc [*p.rak *wat] của những ngôn ngữ cư dân Môn - Khmer (trong đó có nhóm tiếng Việt) thuộc phần đất phía nam sông Dương Tử. Trong những ngôn ngữ này, âm đọc đó có nghĩa là "vùng đất cư dân sinh sống tự nhận mình là *người* ([*p.rak])", tức là *tên tự gọi* (autonym) có giá trị như một *tộc danh* (ethnonym) mà những người nói các ngôn ngữ Môn - Khmer tự nhận. Về sau, từ sách *Giao Châu ngoại vực ký* (thế kỉ thứ IV) và *Hậu Hán thư* (thế kỉ thứ V), tên tự gọi đó được các học giả Trung Quốc coi như (hoặc giải thích như) là một tên gọi hay *địa danh* để chỉ một "quốc danh, *tên nước*), trong đó có không ít người gắn với địa danh quận *Giao Chỉ* (**交趾**). Như vậy, tên gọi được kí âm bằng chữ Hán **雒 越** (SV: *lạc việt*) đã thay đổi từ *tên tự gọi* (autonym, tộc danh) sang tên *tên được gọi* (exonym) và

không được lưu giữ nghĩa từ nguyên ban đầu là "vùng đất mà cư dân tự nhận mình là *người*" như ban đầu nữa. Và rồi từ thế kỉ thứ V về sau, trong sử sách Trung Quốc, không ít học giả giải thích *lạc việt* là một tên gọi hay *địa danh* (toponym). Tên gọi Lạc Việt, khi nhìn nhận theo góc nhìn từ nguyên học do ngôn ngữ học lịch sử xác lập, như vậy, nó có dạng thức ngữ âm và ngữ nghĩa tương ứng với ngôn ngữ của các nhóm khác nhau thuộc nhánh Môn - Khmer ở Đông Nam Á , trong đó có lãnh thổ Việt Nam hiện nay; vì thế, nhiều khả năng nó chính là một tên tự gọi của cộng đồng người nói những ngôn ngữ Môn - Khmer cư trú ở lục địa Đông Nam Á và có thể một phần phía nam của lãnh thổ Trung Quốc như chúng tôi đã từng nhiều lần phân tích (Trần Trí Dõi, 2023). Do đó những diễn giải cho rằng người Lạc Việt là một phận cư dân di cư từ lãnh thổ Trung Quốc xuống định cư ở địa bàn văn hóa Đông Sơn, nếu từ góc nhìn của lịch sử ngôn ngữ người Việt, là hoàn toàn chưa đủ cơ sở khoa học.

3. Kết luận

Ở góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử, người Việt cũng như trong ngôn ngữ người Việt không có tranh chấp tên gọi Lạc Việt (chữ Hán 雒 越, 駱越, 絡 越). Bởi vì, về bản chất, đây là một danh xưng *tự gọi* (hay là tên *tự gọi*, autonym) có giá trị như một *tộc danh* (ethnonym) của một cộng đồng cư dân nói những ngôn ngữ Môn - Khmer (Mon - Khmer) thuộc họ ngôn ngữ Nam Á (Austroasiatic family) có niên đại ngữ thời học (glottchronology) cư trú ở Đông Nam Á lục địa từ khoảng ± 6.300 TCn. Trong cộng đồng cư dân nói những ngôn ngữ Môn - Khmer đó, có một bộ phận cư dân nói những ngôn ngữ *nhóm tiếng Việt* (group of Vietic); cho nên danh xưng *tự gọi* "Lạc Việt" ấy cũng chính là danh xưng của bộ phận cư dân nói những ngôn ngữ *nhóm tiếng Việt* (group of Vietic) mà *tiếng Việt* (language Vietnamese) và người Việt hiện nay là một thành viên.

Trên cơ sở phân tích địa lí cư trú của cộng đồng cư dân đang sử dụng những ngôn ngữ Môn - Khmer hiện nay, chúng ta có cơ sở khoa học để đưa ra những kết luận rằng cư dân đang sử dụng những ngôn ngữ Môn - Khmer, vốn là cư dân bản địa của vùng lục địa Đông Nam Á, có niên đại tách ra từ họ Nam Á trong quãng thời gian ± 4.000 TCn; và cư dân nói những ngôn ngữ *nhóm tiếng Việt* được tách ra từ cộng đồng sử dụng những ngôn ngữ Môn - Khmer trong quãng thời gian ± 1.400 TCn. Ở vào thời gian tương đối này, địa bàn sinh sống của cư dân sử dụng những ngôn ngữ *nhóm tiếng Việt* tương ứng với địa bàn văn hóa Đông Sơn mà khoa học khảo cổ cùng ngôn ngữ học đã xác định bao gồm vùng châu thổ sông Hồng và vùng giữa của thung lũng sông Mê Công. Cho nên, nếu tham chiếu với tiến trình lịch sử ngôn ngữ người Việt, có thể xác định rằng thời gian lịch sử mà chúng ta đang thảo luận chính là *giai đoạn tiền Việt* trong lịch sử ngôn ngữ người Việt. Ở vào giai đoạn này, ngôn ngữ của nhóm người Việt đã có tiếp xúc với ngôn ngữ của nhóm tiếng Hán và giữa chúng đã có sự vay mượn lẫn nhau về từ vựng.

Cho nên, từ góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử của ngôn ngữ người Việt, có đầy đủ cơ sở khoa học nhận định về tên gọi *Lạc Việt*. Ở thời kì tiếng Hán cổ (OC) tương ứng với giai đoạn tiền Việt (PV), người Hán đã vay mượn tên *tự gọi* này từ những ngôn ngữ Môn - Khmer và dùng chữ Hán có âm đọc ở giai đoạn Hán cổ tương ứng với âm đọc Môn - Khmer được vay mượn để ghi lại tên gọi đó. Không những thế, cư dân nói những ngôn ngữ nhóm tiếng Thái (Taic) cũng đã vay mượn tên gọi chỉ người từ những ngôn ngữ Môn - Khmer (W. Ostapirat, 2000; J.R.Chamberlain, 2016; 2018). Về sau, ở giai đoạn lịch sử tiếng Hán trung đại (MC), học giả Trung Quốc về cơ bản khi ghi lại tên gọi ở giai đoạn Hán cổ hầu như đều giải thích tên tự gọi gốc Môn - Khmer này như một địa danh định danh một quốc gia hay một vùng đất; trong khi đó, ở giai đoạn Việt - Mường cổ (AVM) tương ứng, ngôn ngữ người Việt chưa có chữ viết và người Việt phải dùng chữ Hán trong giao tiếp xã hội nên dạng ngữ âm của tên tự gọi ở giai đoạn tiền Việt không được lưu giữ bằng chữ viết. Vì thế, nếu theo cơ sở ngữ liệu của ngôn ngữ học thì chủ thể sử dụng tên gọi Lạc Việt là cư dân Môn - Khmer, trong đó có cư dân nói ngôn ngữ nhóm tiếng Việt. Những cư dân sử dụng ngôn ngữ nhóm tiếng Thái tuy cũng đã sử

dụng tên gọi gốc Môn - Khmer này nhưng là do vay mượn về sau chứ không phải có từ ban đầu như một vài nghiên cứu đã thể hiện (Lương Đ. V,…2018).

Chú thích:

[1] Xin lưu ý là khái niệm *tiền sử* trong lịch sử ngôn ngữ người Việt mà chúng tôi dùng ở đây là để nhấn mạnh đặc điểm "ngôn ngữ của người Việt chưa có chữ viết" theo góc nhìn của ngôn ngữ học; vì thế nó có thể chưa thật tương thích với khái niệm được dùng của những khoa học nhân văn khác, chẳng hạn như của khoa học lịch sử.

[2] Nguyên văn đoạn viết của tác giả: "Năm 690 TCN, nước Sở diệt nước La có kinh đô ở Nghi Thành, Hồ Bắc, dồn ép dân La về vùng sông Mịch - La, ven hồ Động Đình, Hồ Nam. Hoàng tộc La có họ Hùng, họ Mị di tản khắp bốn phương..., đã lập ra nhiều nước mới ở vùng Nam Dương Tử, trong đó có nước Văn Lang ở vùng đồng bằng sông Hồng...Nước La trên lại chính là nước Việt được ghi bằng chữ Việt trong văn giáp cốt Thương, có kinh đô ở Lão Ngưu Pha (nay thuộc Tây An, Thiểm Tây). Năm 1046 TCN, Chu diệt Thương, ép người Việt từ Lão Ngưu Pha về Nghi Thành, Hồ Bắc... Người La là người Việt và La chính là tên gọi tắt tương ứng với Lạc, người La chính là người Lạc Việt...Xét nguồn cội sâu xa hơn, người La hay Việt là con cháu của một nhóm Lạc Việt chủ nhân của văn hóa Lương Chữ từ vùng Chiết Giang - Giang Tô thiên di đến vùng sông Lạc, Hà Nam cách đây khoảng 4500-5000 năm" (Tạ Đức 2013, tr.814).

[3]Trong một bài viết công bố vào năm 2017, ở chú thích số 2 trang 52, chúng tôi đã từng cho rằng "có cơ sở để cho rằng, yếu tố "Lạc" và "Lạc Việt" được người Việt (Nam) sử dụng sớm nhất là khoảng thế kỉ XII - XIV" (Trần T. D. 2017, tr.52). Vào thời điểm năm 2021, sau khi kiểm tra lại tư liệu ở *Việt điện u linh* và kết hợp với việc khảo sát lại *Truyện họ Hồng Bàng* ở *Lĩnh Nam chích quái*, chúng tôi nhận thấy chưa thể chứng minh ở thế kỉ XII - XIV người Việt Nam đã dùng tên gọi Lạc Việt mà chỉ dùng yếu tố Lạc ghép với một yếu tố khác trong những tài liệu được nhắc đến đó.

[4]Xin lưu ý là sách *Dư địa chí* được nói ở đây là sách của tác giả người Trung Quốc Cố Dã Vương, một nhà địa lí nổi tiếng ở thế kỉ thứ VI chứ không phải là *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi.

[5] Nguyên văn đoạn trích bằng tiếng Pháp: "Les caractères utilisés sont des phonogrammes qui transcrivent des vocables non chinois ; la signification de l'expression Băiyuè ne peut s'expliquer par le sens propre des caractères composants, ici *băi* 百"cent" et *yuè* 越"hache de guerre".

[6]Nguyên văn đoạn trích bằng tiếng Pháp: "Il faut donc procéder à une restitution de leur prononciation et la comparer aux désignations ethniques anciennes et actuelles".

[7] Nguyên văn bằng tiếng Pháp " *wa t avec le sens de "territoire délimité" serait une notion dela langue chinoise, sorti de l'usage proprement chinois (il n'a pas de caractère en propre et n'est pas dans GSR), mais maintenu pour l'usage extérieur (les pays méridionaux), écrit avec le phonogramme yuè 越 "hache de combat", puis finalement introduit en khmer ancien et de ce dernier en thaï".

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tiếng Việt

1. Đào Duy Anh (1997), *Đất nước Việt Nam qua các đời,* Nxb Thuận Hóa, Huế 1997, 264 tr.
2. Đào Duy Anh (1950), *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, Nxb Thế giới - Hà Nội 1950, 80 trang.
3. Đào Duy Anh (1954), *Văn hóa Đông - sơn hay văn hóa Lạc - việt*, Tập san nghiên cứu Sử ký - Địa lí.
4. Văn học (Sử Địa Văn), số 1 tháng 6.1954, Ban nghiên cứu Sử Địa Văn *xuất bản*, tr.14-29.
5. Nguyễn Quang Ngọc (*chủ biên*) (2000), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục-2000, 399 tr.

6. Nguyễn Ngọc Thơ (2011), *Nhận diện văn hóa Lạc Việt*, trong "Di sản lịch sử: những hướng tiếp cận mới", Nxb Thế giới, Hà Nội 2011, tr 87-137.
7. Tạ Đức (2013), *Nguồn gốc người Việt - người Mường*, Nxb Tri thức, 843 tr.
8. Trần Quốc Vượng (1970) , *Từ truyền thuyết, ngữ ngôn đến lịch sử*, trong " Hùng Vương dựng nước, tập I", Nxb Khoa học xã hội, tr 148-155.
9. Trần Trí Dõi (2022), *Lịch sử ngôn ngữ người Việt góp phần tìm hiểu văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội -2022, 604 tr.
10. Trần Trí Dõi (2023), *History of language of Vietic: Contributions to undestanding Vietnamese culture*, Journal of Viet Nam hoc (Tạp chí Việt Nam học) - NCKU TAIWAN, Vol.4, No.2, July 2023, pp. 32-65.
11. Hán Văn Khẩn (2011), *Vấn đề nông nghiệp thời đại sắt sớm ở Bắc Việt Nam*, trong "Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (2006-2011)", Nxb Thế giới, tr 243-296.
12. Viện KHXH Việt Nam (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư - dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)*, tập 1-4, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1993.
13. Vũ Quỳnh - Kiều Phú (1960), *Lĩnh nam chich quái*, Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1960, 139 tr.
14. Lý Tế Xuyên (2001), *Việt điện u linh*, Nxb Văn học, Hà Nội 2001.
15. Nguyễn Trãi (1976), *Toàn tập*, *in lần thứ hai có sử chữa bà bổ sung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1976.
16. Viện Sử học (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1-3, Quốc sử quán triều Nguyễn *biên soạn*, Nxb Giáo dục 1998.
17. Trần Trí Dõi (2017), "Trao đổi thêm về từ nguyên của yếu tố "lạc (luò 雒/駱)" trong tổ hợp "lạc việt (luòyuè 雒越)"", T/c Bảo tàng & Nhân học, số 2 (18) - 2017, tr.41-53.
18. Bellwood Peter (2010), *Nguồn gốc của các xã hội nông nghiệp: Những nhà nông đầu tiên*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 343 tr.
19. Saussure F. de (1973), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1973, 398 tr.

Tiếng nước ngoài

20. Hong Hai Dinh and Kelley Liam C (2021), *Competing Imagined Ancestries: The Lạc Việt, the Vietnamese, and the Zhuang*. In Vietnam at the Vanguard: New Perspectives Across Time,Space, and Community, edited by Jamie Gillen, Liam C. Kelley and Phan Le Ha, pp 89-107. Springer/Institute of Asian Studies (Universiti Brunei Darussalam) "Asia in Transition" Series. Singapore: Springer, 2021.
21. Mông Văn Thông 蒙文通 (1983), *Lạc Việt và Tây Âu* (骆越 与西瓯), In trong "Việt sử tùng khảo (越史丛考)", Nhân Dân xuất bản xã (人民出版社) 1983, tr.82-88.
22. Ferlus M. (2008), *Etymology of *wat/yuè (越) " people, principality" (as in Băiyuè 百越)*, The 41 st ICSTLL, 17-21 September 2008 - SOAS, University of London.
23. Ferlus M. (2011), *Les Băiyuè (百越) ou les "pays des (horticulteurs/mangeurs de) tubercules"* 24 èm e Jo u rn é e s d e Li n g u i st i q u e d e l 'Asie Ori e n t a l e, 30 juin - 1er juillet 2011, Paris, 12 pp.
24. Tưởng Bính Chiêu, Ngô Cẩm Cát, Tân Sỹ Thành 蒋炳钊 吴锦吉 辛土成 (1988), *Văn hóa dân tộc Bách Việt* 百越民族文化, Học lâm xuất bản xã, Thượng Hải 学林出版社, 上海.
25. Trần Trí Dõi (2023), *The geographical distribution of autonyms for 'person/people' in the Mon-Khmer languages of South East Asia and its contribution to the understanding of the original location (homeland) of the Luòyuè residents*. In Hiroyuki Suzuki and Mitsuaki

Endo (eds.) Proceedings of the fifth International Conference on Asian Geolinguistics,1–11.doi:https://doi.org/10.5281/zenodo.8374552.
26. Weera Ostapirat (2000), *Proto-Kra*. Linguistics of the Tibeto-Burman Area 23.1.
27. Chamberlain, J. R. (2016), *Kra-Dai and proto-history of South China and Vietnam*, Journal of the Siam Society 104, pp.27–76.
28. Chamberlain, J. R. (2018), *A Kri-Mol (Vietic) bestiary: Prolegomena to the study of ethnozoology in the Northern Annamites*, Kyoto Working Papers on Area Studies, 133, p.1-171. URI: http://hdl.handle.net/2433/231260.
29. Lương Đình Vọng, Lệ Thanh *chủ biên* 梁庭望 厉声: 主编 (2018), *Lạc Việt phương quốc nghiên cứu* (thượng hạ sách) **骆越方国研究 (**上下册**)**, Dân tộc xuất bản xã 民族出版社.

Language history of Vietic in relation to cultural issures in Vietnam history

Abstract: In a nation's cultural history, its language always plays a critical role as a cultural element for development. However, when introducing several cultural issues in Vietnam history, researchers have rarely used existing results from historico-comparative linguistics to explain them. Using the current interdisciplinary approach in humanities, on the basis of the language history of Vietic, this paper presents discussion of cultural issues in prehistoric and early times in Vietnam, as many of these are based on indirect Sino historical sources. Therefore, recent contributions from research on the language history of Vietic - a cultural element of the people of Vietic in those days - are likely necessary and useful for explaining these issues.

Key words: cultural history; Vietnam history; language of Vietic; Lac Viet.

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

LỊCH SỬ NGÔN NGỮ NGƯỜI VIỆT THAM CHIẾU VỚI MỘT VÀI VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

TRẦN TRÍ DÕI*

TÓM TẮT: Trong tiến trình lịch sử văn hóa của một dân tộc, ngôn ngữ mà cộng đồng dân tộc đó sử dụng luôn giữ vai trò là một thành tố văn hóa của sự phát triển. Tuy nhiên, trong thời gian đã qua, khi giới thiệu về không ít nội dung liên quan đến văn hóa của tiến trình lịch sử Việt Nam, giới nghiên cứu thường ít chú ý sử dụng kết quả đã có của ngôn ngữ học lịch sử (comparative) để góp phần lí giải những vấn đề đang được đặt ra. Bài viết này, với cách tiếp cận liên ngành của khoa học nhân văn như hiện nay và từ góc nhìn của lịch sử ngôn ngữ người Việt, thử thảo luận về một vài nội dung văn hóa ở giai đoạn tiền sử hay sơ sử đang được thảo luận trên lãnh thổ Việt Nam. Bởi vì ở vào thời kì tiền sử hay sơ sử này có những nội dung văn hóa Việt Nam thường chỉ được dựa vào tư liệu lịch sử gián tiếp lưu truyền từ nguồn ngữ liệu tiếng Hán. Vì thế, những đóng góp mới gần đây của kết quả nghiên cứu về lịch sử ngôn ngữ người Việt, một thành tố văn hóa mà cộng đồng người Việt sử dụng vào giai đoạn đó, có lẽ là cần thiết và hữu ích cho việc giải thích vấn đề.

TỪ KHÓA: lịch sử văn hóa; lịch sử Việt Nam; ngôn ngữ người Việt; Lạc Việt.

NHẬN BÀI: 29/10/2025. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/01/2026

1. Đặt vấn đề

1.1. Chúng ta đều biết rằng ở góc nhìn về địa lí lịch sử thì hiện nay Việt Nam là một lãnh thổ thống nhất từ bắc (Hà Giang) vào nam (Cà Mau). Phần lãnh thổ này chính là phần địa lí thuộc phía đông của vùng Đông Nam Á lục địa (mainland southeast asia). Nhà Việt Nam học nổi tiếng Đào Duy Anh, khi nghiên cứu địa lí học lịch sử Việt Nam, cho biết vùng lãnh thổ đó "đã được xây dựng trên một quá trình hơn hai nghìn năm, nếu kể từ nước Âu Lạc là nhà nước đầu tiên của chúng ta xuất hiện trên lịch sử" (Đào D. A. 1997, tr.240). Cụ thể hóa nội dung như ông vừa viết ở trên, trong nội dung công trình nghiên cứu của mình, tác giả đã giành những trang đầu tiên viết về "Nước Văn Lang" được nhận diện là *"nước của các vị vua Hùng, con cháu của Lạc Long Quân và Âu Cơ"* (Đào Duy Anh, 1997, tr.17). Tiếp tục giải thích về địa lí đất nước của "các vị vua Hùng" trong thời kì lịch sử ấy, học giả Đào Duy Anh đã viết như sau "xét phạm vi của 15 bộ nước Văn Lang chép trong các sách sử cũ của ta thì thấy rằng phạm vi 15 bộ ấy gần như tương đương với địa bàn sinh tụ của người Lạc Việt, do đó chúng ta đã nhận định rằng nhân dân nước Văn Lang xưa chính là người Lạc Việt. Khảo cổ học đã cho chúng ta biết rằng người Lạc Việt ở miền bắc Việt Nam đã xây dựng một nền văn hóa đồ đồng mà thời kì toàn thịnh ở vào thế kỉ thứ III và thế kỉ thứ IV tr.c.ng" (Đào Duy Anh, 1997, tr.21-22).

Với thông tin như đoạn văn vừa được trích dẫn ở trên, rõ ràng, Đào Duy Anh đã cho chúng ta biết một số nội dung lịch sử quan trọng trong giai đoạn tiền sử và sơ sử (tức "vào thế kỉ thứ III và thế kỉ thứ IV tr.c.ng") trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay. Cụ thể là ở vào thời gian lịch sử đó, đã từng hiện diện một "nhà nước Văn Lang" mà về địa lí "gần như tương đương với địa bàn sinh tụ của người Lạc Việt" hay địa bàn ấy tương đương với địa bàn khảo cổ "nền văn hóa đồ đồng", tức văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam. Như vậy, chứng cứ khoa học của những thông tin được ông đưa ra, như cái cách ông diễn đạt trong văn bản, là căn cứ vào kết quả phân tích những "truyền thuyết xưa", là dựa vào những ghi chép "trong sách sử cũ của ta" và dựa vào kết quả nghiên cứu của khảo cổ học đã có. Khi diễn

**GS.TS; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội;*
Email: ttdoihanh@gmail.com

giải và phân tích như vậy về ý kiến của Đào Duy Anh, rõ ràng, chúng ta nhận thấy có một nội dung văn hóa liên quan đến Việt Nam là "địa bàn sinh tụ của người Lạc Việt", cũng là cư dân "nhà nước Văn Lang"; đồng thời qua ý kiến đã được trích dẫn, chúng ta nhận biết ý kiến đó được tác giả tổng hợp lại trên cơ sở những kết quả nghiên cứu khoa học nhân văn cụ thể là "truyền thuyết xưa", ghi chép "trong sách sử cũ" và kết quả nghiên cứu của khảo cổ học. Cách thức tiếp cận mà nhà Việt Nam học Đào Duy Anh thể hiện như vừa được trình bày cũng đã thấy hiện diện trước đó trong những công trình nghiên cứu của chính ông (Đào Duy Anh, 1950; 1954).

Những nội dung cũng như cách thức tiếp cận mà nhà Việt Nam học Đào Duy Anh diễn giải một cách chung nhất như vừa được trình bày ở trên, theo chúng tôi về cơ bản, đã được những người viết về lịch sử Việt Nam sử dụng qua những chi tiết và với mức độ khác nhau khi viết về thời kì "nhà nước Văn Lang" trong lịch sử Việt Nam. Chẳng hạn, các tác giả của công trình thông sử "Tiến trình lịch sử Việt Nam" đã viết rằng "Tư liệu thư tịch cổ cho biết thời Hùng Vương có các loại '*ruộng Lạc*' là ruộng và dân của công xã" (Nguyễn Quang Ngọc, 2000, tr.20). Nội dung như vừa được chúng tôi trích dẫn cho biết, đối với các tác giả, thời Hùng Vương là thời kì "có các loại '*ruộng Lạc*' là ruộng và dân", tức là người Lạc Việt; đồng thời đoạn trích ấy cung cấp cho chúng ta thông tin rằng nội dung đó là theo "Tư liệu thư tịch cổ", tức là dựa theo tư liệu lịch sử mặc dù đã không ghi rõ chỉ xuất cụ thể của nguồn "Tư liệu thư tịch cổ" ấy. Cũng tương tự như thế, ở một thông tin sau đó, các tác giả đã ghi rằng "Đứng đầu Nhà nước là Hùng Vương (vua Hùng). Chữ "*hùng*" theo các nhà ngôn ngữ học phân tích là những từ '*kun*' trong *lang kun* của người Mường, "*khun*" trong tiếng Môn-Khơme và tiếng Thái…nhằm để chỉ người tù trưởng, bậc thủ lĩnh" (Nguyễn Quang Ngọc, 2000, tr.25). Đoạn trích này tuy có ghi rõ là "theo các nhà ngôn ngữ học phân tích" nhưng cũng không cho biết điều đó được phân tích ở công trình ngôn ngữ ngữ học nào; cho nên nếu muốn tiếp tục nghiên cứu thì khó có thể tìm thấy được nguồn kiểm chứng. Như vậy, một vài phân tích mà chúng tôi vừa dẫn ra làm ví dụ ở trên cho biết trước đây ngôn ngữ học lịch sử vẫn chưa thật sự giúp ích được nhiều cho các tác giả viết về văn hóa hay thông sử khi nghiên cứu thời kì tiền sử hay sơ sử của Việt Nam. Đó là lí do vì sao chúng tôi nghĩ rằng cái cách mà nhà Việt Nam học Đào Duy Anh tiếp cận vẫn cần được tiếp tục phân tích trong những nghiên cứu tiếp theo.

Điều mà chúng tôi vừa nêu ra cũng được nhận thấy rất rõ trong nghiên cứu của một số tác giả khi họ thảo luận về văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử để lí giải cho lập luận của mình trong thời gian gần đây. Ví dụ, năm 2011, trong bài viết "*Nhận diện văn hóa Lạc Việt*" của Nguyễn Ngọc Thơ (Nguyễn N.T., 2011), tác giả phần lớn dựa vào ghi chép "trong sách sử cũ" mà nguồn ngữ liệu, theo tác giả, chủ yếu là từ nguồn tư liệu tiếng Hán. Một tác giả khác trong công trình hết sức công phu của mình có tên là "*Nguồn gốc người Việt - người Mường*" (Tạ Đức, 2013) cũng có cách tiếp cận, về cơ bản, là "tiếp nối" những gì mà nhà Việt Nam học Đào Duy Anh đã thể hiện trước đó. Ở công trình xuất bản 2013 này, tuy tác giả nhiều lần nhấn mạnh ông sử dụng tối đa kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học lịch sử nhưng trên thực tế chưa thấy tác giả thực sự sử dụng những kết luận cuối cùng của những nghiên cứu ngôn ngữ học đã được công bố trong thời gian gần đây. Vì thế, theo ý kiến riêng của chúng tôi, những tác giả mà chúng tôi vừa kể ở trên vẫn chỉ sử dụng kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học lịch sử cho nghiên cứu của mình về những vấn đề mà họ nêu ra ở mức hạn chế, có thể nói, là quá đơn giản. Ngay vào thời gian gần đây, khi mà ngôn ngữ học lịch sử đã có không ít những kết quả mới thảo luận về vấn đề "Lạc Việt" hay thời kì văn hóa Hùng Vương ở Việt Nam cả ở trong và ngoài nước ở góc nhìn ngôn ngữ học lịch sử, nhưng có những nhóm tác giả viết về vấn đề Lạc Việt chỉ giới hạnh ở mức "điểm tên" vẫn chưa thảo luận về kết quả nghiên cứu đã có của ngôn ngữ học lịch sử (Hong Hai Dinh and Kelley L.C, 2021). Nói một cách khác, việc sử dụng kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học về nội dung *Lạc Việt* ở các ngành khoa học nhân văn khác vẫn giới hạn ở mức thật sự khiêm tốn.

Chúng ta biết rằng một nhà Việt Nam học nổi tiếng ở Việt Nam, giáo sư Trần Quốc Vượng, khi nghiên cứu về văn hóa thời Hùng Vương đã có một ý kiến xác đáng khi nhận thấy vai trò của ngôn

ngữ học lịch sử đối với việc nghiên cứu văn hóa thời gian này. Cụ thể ông đã thể hiện quan điểm ấy như sau "Tài liệu khảo cổ của chúng ta tuy đã khá nhiều - và tương lai sẽ ngày càng phong phú - song, chúng ta không quên một *nhược điểm căn bản* loại tài liệu này, đó lả những tài liệu 'câm', và nhiều hiện vật khảo cổ (ví dụ cái 'chạc' gốm trong các di chỉ thời đại đồng thau Việt Nam) còn là tài liệu 'bí ẩn'"… Vì thế đối với ông phải "áp dụng phương pháp nghiên cứu tổng hợp để tìm hiểu một số khía cạnh cụ thể của lịch sử Việt Nam thời Hùng Vương"…Trong đó cần "Áp dụng phương pháp ngôn ngữ học, căn cứ vào tính quy luật biến âm chung của tiếng Việt, ta được kết quả: tên đó là phiên âm tiếng Việt cổ" (Trần Quốc Vượng, 1970, tr.149). Ý kiến của ông, như vậy, cho biết "để tìm hiểu một số khía cạnh cụ thể của lịch sử Việt Nam thời Hùng Vương" chúng ta không thể không sử dụng kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học lịch sử trên cơ sở "căn cứ vào tính quy luật biến âm chung của tiếng Việt".

Cách thức đặt vấn đề nói trên của Trần Quốc Vượng đã được giới nghiên cứu nhân học quốc tế ủng hộ. Chúng ta biết trong cuốn "Nguồn gốc của các xã hội nông nghiệp-những nhà nông đầu tiên" (Bellwood P., 2010), tác giả cũng đã viết rằng "Để hiểu biết quá trình lan tỏa văn hóa và nhân chủng trong lịch sử, chúng ta cần xem xét tư liệu của nhiều ngành nghiên cứu khác nhau. Đầu tiên chúng ta có khảo cổ học, ngành nghiên cứu các xã hội cổ đại từ những dấu tích vật chất của chúng để lại trên hay dưới mặt đất…Nhưng khảo cổ học cũng có những hạn chế rõ ràng bởi những bằng chứng đó thường rời rạc và đôi khi rất mơ hồ, do chúng thường phản ánh những khía cạnh ít quan trọng của đời sống con người…Thứ hai, chúng ta có ngôn ngữ học *so sánh*…Ngôn ngữ học so sánh có một lợi thế so với khảo cổ học, đó là cơ sở dữ liệu ngôn ngữ học, trong trường hợp của một sinh ngữ, thì thường hoàn chỉnh (một xã hội hoàn chỉnh không thể tồn tại mà chỉ sử dụng một nửa ngôn ngữ), nhưng các nhà ngôn ngữ học lại không thể thấy *trực tiếp* xuyên qua thời gian các cư dân cổ không có chữ viết trò truyện thực sự" (Bellwood P.,2010, tr.3).

Qua ý kiến của P.Bellwood vừa dẫn ra ở trên chúng ta nhận thấy đó có thể là một biến thể của một cách nhìn khác mà Trần Quốc Vượng đã từng phát biểu ở trên khi ông nhìn nhận vị thế của ngôn ngữ học trong nghiên cứu thời Hùng Vương ở Việt Nam. Thêm nữa, ý kiến của P.Bellwood nhấn mạnh vị thế thứ hai sau khảo cổ học của ngành ngôn ngữ học lịch sử để hiểu biết quá trình lan tỏa văn hóa và nhân chủng trong lịch sử. Đây rõ ràng là sự khẳng định giá trị không thể thiếu của ngôn ngữ học lịch sử trong nghiên cứu thời tiền sử và sơ sử. Đồng thời chúng tôi cũng xin lưu ý rằng P.Bellwood tuy nhấn mạnh khó khăn của "các nhà ngôn ngữ học lại không thể thấy *trực tiếp* xuyên qua thời gian các cư dân cổ không có chữ viết" nhưng đánh giá cao "cơ sở dữ liệu ngôn ngữ học, trong trường hợp của một sinh ngữ". Sự phân tầng vai trò của ngôn ngữ học lịch sử trong nghiên cứu văn hóa mà P.Bellwood nhận thấy, đối với chúng tôi, là rất có ý nghĩa trong cách thức tiếp cận liên ngành hiện nay. Và đó cũng là lí do vì sao chúng tôi góp thêm thảo luận về một vài nội dung văn hóa ở giai đoạn tiền sử hay sơ sử đang được trao đổi trên lãnh thổ Việt Nam từ góc nhìn của ngôn ngữ học trong bài viết này.

1.2. Vậy những nội dung văn hóa sẽ được thảo luận *trong tham chiếu với lịch sử ngôn ngữ người Việt* mà chúng tôi đề nghị sẽ là những nội dung gì? Theo chúng tôi để nhận diện những nội dung văn hóa trong tham chiếu với lịch sử ngôn ngữ người Việt, trước hết, sẽ phải là vấn đề nhận diện tiến trình lịch sử của ngôn ngữ người Việt trong mối quan hệ với tiến trình lịch sử Việt Nam. Cho đến hiện nay, gần như là chính thức hay không có tranh cãi, chúng ta đã có được một cách tường minh về tiến trình lịch sử Việt Nam ở thời kì tiền sử và sơ sử (Nguyễn Quang Ngọc, 2000, tr.11-35). Theo đó vào thời kì này của lịch sử Việt Nam, giới sử học cho là đã "hiện diện Nhà nước Văn Lang" của các vua Hùng và sau đó là sự kế tiếp "Nhà nước Âu Lạc" của An Dương Vương với cơ sở văn hóa là văn minh Đông Sơn. Theo phân định lịch sử mà giới khảo cổ học Việt Nam đã nhận điện, thời gian kết thúc văn hóa hay văn minh Đông Sơn ở Việt Nam là khoảng thế kỉ thứ II SCN như lời phát biểu của Hán Văn Khẩn (Hán V. K, 2011, tr.244). Như vậy, chúng ta có đủ kết quả nghiên cứu khảo cổ và sau đó là lịch sử để nhận thấy về mặt niên đại, thời kì tiền sử[1] cũng như thời kì sơ sử của lịch sử Việt

Nam có thời gian tương ứng với giai đoạn hiện diện văn hóa Đông Sơn, văn hóa làm cơ sở cho "Nhà nước Văn Lang" và "Nhà nước Âu Lạc" ở châu thổ sông Hồng.

Cho nên theo chúng tôi vấn đề văn hóa mà giáo sư Đào Duy Anh đề cập tới, vấn đề *người Lạc Việt* và *địa bàn* sinh sống của *cư dân Lạc Việt* trong lịch sử Việt Nam, là một nội dung cần có sự tham gia nghiên cứu liên ngành, trong đó không thể không có sự hiện diện của ngôn ngữ học lịch sử theo đúng những quy định bắt buộc của nó. Như chúng tôi vừa phân tích ở *tiểu mục 1.1*, sự vắng mặt của kết quả nghiên cứu từ ngôn ngữ học lịch sử đối với vấn đề được nêu ra, có lẽ, là vào quãng thời gian đó ngành khoa học này còn chưa đủ điều kiện ở mức cần thiết (dữ liệu sinh ngữ cũng như những kết quả nghiên cứu khác) để tham gia thảo luận vấn đề. Trong thời gian gần đây ở Việt Nam những kết quả nghiên cứu của ngôn ngữ học lịch sử đã nhiều hơn, và điều quan trọng là đáng tin cậy hơn nên đóng góp của ngành khoa hoc ngôn ngữ này trong việc nghiên lịch sử văn hóa trong thời kì tiền sử và sơ sử như mong muốn của giáo sư Trần Quốc Vượng và P. Bellwood là có thể thực hiện hay đáp ứng được.

1.3. Ở góc nhìn theo tiến trình lịch sử ngôn ngữ người Việt (Trần Trí Dõi, 2022; 2023, tr.32-65), chúng tôi đã từng đề nghị và sau đó đã chứng minh rằng tương ứng với lịch sử Việt Nam thuộc thời kì "nhà nước Văn Lang" và "Nhà nước Âu Lạc" là giai đoạn ngôn ngữ *tiền Việt* (proto Vietic, PV). Ở giai đoạn lịch sử này của ngôn ngữ người Việt, về mặt địa lí, địa bàn cư trú của cư dân sử dụng ngôn ngữ sẽ là cộng đồng cư dân nói những ngôn ngữ thuộc *nhóm tiếng Việt* (group of Vietic); nó tương ứng với địa bàn cư dân thuộc văn hóa Đông Sơn theo bản đồ mà chúng tôi đã từng phân tích và nhận diện (Trần Trí Dõi, 2020, tr.4) gồm lưu vực sông Hồng thuộc miền Bắc Việt Nam và vùng giữa của thung lũng sông Mê Công. Về thời gian lịch sử, giai đoạn ngôn ngữ *tiền Việt* có thời gian tương đối từ khoảng thế kỉ thứ II SCN trở về trước. Trong khoảng thời gian này, lịch sử Việt Nam là lịch sử của nhà nước Văn Lang (được xác định là thời kì Hùng Vương) và lịch sử của nhà nước Âu Lạc (được xác định là của An Dương Vương); đồng thời gồm có cả thời kì đầu của giai đoạn Bắc thuộc mà điểm nhấn lịch sử là kết thúc thời kì làm chủ của người Việt trong cuộc khởi nghĩa chống lại sự đô hộ của phong kiến nhà Hán do Hai Bà Trưng đứng đầu.

Còn về đặc điểm ngôn ngữ thì ở giai đoạn *tiền Việt* nó là một ngôn ngữ thuần Môn - Khmer gốc Nam Á. Tính thuần Nam Á này cho biết ngôn ngữ người Việt mặc dù đã có vay mượn từ những ngôn ngữ Nam Đảo, cũng đã có vay mượn từ ngôn ngữ nhóm tiếng Hán (Sinitic); nhưng những vay mượn từ ngôn ngữ nhóm tiếng Hán chỉ là do tiếp xúc thương mại mà vốn từ cơ bản thuần Nam Á còn chưa xuất hiện hay chưa từng sử dụng. Mặt khác, tính thuần Nam Á này được xác nhận ngôn ngữ người Việt ở giai đoạn *tiền Việt* là một ngôn ngữ còn *chưa xuất hiện thanh điệu* và đây chính là dấu hiệu ngữ âm lịch sử quan trọng nhất để nhận diện sự biến đổi của ngôn ngữ (Trần Trí Dõi, 2022, tr.235-260). Hai đặc ngôn ngữ thể hiện ở giai đoạn tiền Việt trong lịch sử ngôn ngữ người Việt mà chúng tôi vừa nêu ra ở trên, theo chúng tôi, là những chứng cứ ngôn ngữ học lịch sử quan trọng sẽ góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề văn hóa trong lịch sử Việt Nam. Như vậy, trong quy chiếu với lịch sử ngôn ngữ người Việt, những nội dung văn hóa liên quan đến tên gọi Lạc Việt (gồm *người Lạc Việt* và *địa bàn của người Lạc Việt*) mà giáo sư Đào Duy Anh và một số nhà nghiên cứu khác nêu ra rõ ràng cần có thêm những giải thích từ góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử, cụ thể là trên cơ sở những đặc điểm ngôn ngữ thuộc giai đoạn này của lịch sử ngôn ngữ người Việt.

Để cung cấp thêm những góc nhìn khác nhau về những nội dung văn hóa liên quan đến tên gọi Lạc Việt mà chúng tôi sẽ thảo luận dưới đây, có lẽ, chúng tôi xin giải thích thêm đôi điều về thuật ngữ *ngôn ngữ người Việt* (language of Vietic) mà chủ đích không dùng thuật ngữ thuật ngữ trước đây là *tiếng Việt*. Về thuật ngữ này, trong một bài được công bố (Trần Trí Dõi, 2023) gần đây chúng tôi đã có một lí giải cụ thể và chi tiết. Theo đó, chúng tôi đề nghị cần phân biệt nội hàm thuật ngữ "*ngôn ngữ người Việt* (language of Vietic)" với thuật ngữ "*tiếng Việt* (Vietnamese language hay Vietnamese)". Cụ thể nếu "thuật ngữ *tiếng Việt* để thể hiện quá trình lịch sử của tiếng nói mà cộng đồng cư dân sử dụng ngôn ngữ này đã sử dụng từ giai đoạn *tiền Việt* (proto Vietic) cho đến hiện nay

thì, như đã được giải thích ở trên, có thể sẽ làm cho không ít người nghĩ rằng nó không bao gồm lịch sử của những ngôn ngữ khác trong cùng nhóm với tiếng Việt. Mà trên thực tế, những ngôn ngữ trong cùng nhóm tiếng Việt luôn luôn là một phần biến đổi lịch sử của tiếng Việt. Chính vì thế, thuật ngữ "*ngôn ngữ người Việt*", đối với chúng tôi, thể hiện được đầy đủ nội hàm quan trọng này hơn" thuật ngữ "*tiếng Việt*" vốn vẫn được dùng từ trước đến nay (Trần Trí Dõi, 2023, tr.40-41) trong các nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ.

2. Nội hàm khái niệm "Lạc Việt" từ góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử

2.1. Những cách tiếp cận đã có khi giải thích về khái niệm "Lạc Việt"

Chúng ta đều biết rằng theo học giả Đào Duy Anh thì "phạm vi của 15 bộ nước Văn Lang chép trong các sách sử cũ của ta thì…gần như tương đương với địa bàn sinh tụ của người Lạc Việt, do đó chúng ta đã nhận định rằng nhân dân nước Văn Lang xưa chính là người Lạc Việt. Khảo cổ học đã cho chúng ta biết rằng người Lạc Việt ở miền bắc Việt Nam đã xây dựng một nền văn hóa đồ đồng mà thời kì toàn thịnh ở vào thế kỉ thứ III và thế kỉ thứ IV tr.c.ng" (Đào D. A, 1997, tr.21-22). Như vậy theo như cách lập luận của nhà Việt Nam học này, địa bàn sinh tụ của người Lạc Việt được "ghi chép trong sách sử cũ của ta"; và "Khảo cổ học đã cho chúng ta biết rằng người Lạc Việt ở miền bắc Việt Nam đã xây dựng một nền văn hóa đồ đồng mà thời kì toàn thịnh ở vào thế kỉ thứ III và thế kỉ thứ IV tr.c.ng". Với lô gic hay cách tiếp cận như thế, ông kết luận rằng "nhân dân nước Văn Lang xưa chính là người Lạc Việt". Tuy với mức độ có khác nhau nhưng về bản chất lập luận của Nguyễn Ngọc Thơ (Nguyễn N.T, 2011) cũng như của Tạ Đức (Tạ Đ, 2013) trong những năm gần đây cũng đều giới hạn ở cách thức tiếp cận đó.

Cụ thể, Nguyễn Ngọc Thơ đã mặc định rằng "Chủng tộc, văn hóa và ngôn ngữ Lạc Việt hình thành và phát triển trong khung văn hóa Bách Việt mà không gian gốc của nó là vùng Lĩnh Nam" (Nguyễn N.T, 2011, tr.87). Dựa vào những kiến giải của nhiều học giả Trung Quốc và nước ngoài trên cơ sở "chiết tự" tự dạng chữ Hán ông viết rằng "Bản thân từ "Việt" (越) là do người phương Bắc đặt ra... Đông đảo giới học thuật thống nhất chung rằng từ "Việt" xuất phát từ hình ảnh cái rìu (戉 /yue/, rìu đá, rìu đồng, một di vật văn hóa độc đáo của người Việt cổ nên người Hoa Hạ - Hán dùng từ này để chỉ người Việt, sau biến thể thành (越)..." (Nguyễn N. T, 2011, tr.88]. Còn "Về danh từ Lạc Việt, người Việt Nam có thuyết cho rằng từ Lạc (駱), Lạc bộ Mã xuất phát từ tên gọi "nước" trong tiếng Việt cổ (nước = nác, sau chuyển thành Lác, Lạc) (Vũ Thế Ngọc, 1974, 2005). Ngoài ra cũng có một quan niệm cho Lạc (駱) bắt nguồn từ "Lúa" hay "Ló", "loài ngựa trắng bờm đen" (theo sách *Tống Bản Quảng Vận* đời Tống), "con lạc đà" (Karlgren và L.Weiger), "chảy rần rật hay trôi cuồn cuộn" (xem thêm Nguyễn Duy Hinh (2004, tr.56-59)), v.v. Ngoài Lạc bộ Mã (駱), còn có Lạc bộ Chuy (雒), xuất hiện trong *Giao Châu ngoại vực ký* (thế kỉ IV) và Thủy Kinh Chú (thế kỉ VI), nghĩa là "một loài chim"; và Lạc bộ Trãi (絡), chỉ "một dân tộc phía bắc Trung Quốc" hay "một loại chồn". Các lối giải thích xa này đều không gắn được với các thuật ngữ Lạc vương, Lạc dân, Lạc điền, chủ nhân của nền văn hóa Phùng Nguyên với đỉnh cao là văn minh Đông Sơn sông nước" (Nguyễn N. T., 2011, tr.102). Có thể thấy, trên đại thể, những kết luận như thế đều là do suy luận dựa vào tự dạng của chữ Hán; nó hầu như chưa có cơ sở dữ liệu để minh chứng minh, vì lô gic cũng như ngữ nghĩa của những nội hàm tư liệu được dẫn ra để biện giải cho ý kiến đó hầu như không tương ứng với niên đại của sự kiện đang được thảo luận. Nói một cách cụ thể hơn, tư liệu được dẫn ra ở đây đều là *sử liệu đồng đại* hoặc được chỉ "giải thích" về khái niệm sau đó hàng mấy thế kỉ.

Năm 2013, tác giả Tạ Đức một lần nữa nhắc lại rằng tên gọi "Lạc Việt" là vừa để chỉ một "nước (tức *quốc gia*)" vừa để chỉ "cư dân" tức những "*người*" cư trú ở quốc gia đó tương tự như cách giải thích trước đây của Đào Duy Anh. Đẩy xa hơn về thời gian lịch sử ông cho rằng người Lạc Việt đã hiện diện cách đây "khoảng 4500-5000 năm" ở vùng Chiết Giang, sau đó di cư đến Hà Nam, sau đó nữa đã di chuyển đến Thiểm Tây, Hồ Bắc; và từ năm 690 TCN thì di cư đến Hồ Nam rồi từ đây mở

rộng vùng lãnh thổ xuống phía nam và lập "nước Văn Lang ở vùng đồng bằng sông Hồng"[2] (Tạ Đức, 2013, tr.814). Đây có lẽ là một giả thiết dường như "cập nhật" nhất hiện nay giải thích về nguồn gốc và quá trình di cư của người Lạc Việt cũng như tên gọi Lạc Việt. Có thể thấy, đối với Tạ Đức, mặc dù nhận biết người Lạc Việt là chủ nhân của "nước Văn Lang ở vùng đồng bằng sông Hồng" thời kì văn hóa Đông Sơn; nhưng, theo ông, cộng đồng đó vốn gốc từ vùng Hồ Nam miền trung Trung Quốc, di cư đến đến miền bắc Việt Nam và định cư ở đây từ khoảng giữa thiên niên kỉ thứ nhất trước Công nguyên. Chúng tôi (Trần Trí Dõi, 2022, tr.460-563) cũng đã từng phân tích và cho rằng giả thiết nói trên của ông, đúng như tác giả tự đánh giá là "đồng thuận với... thuyết Họ Hồng Bàng cũng như cách lí giải trong hai công trình của hai học giả Đào Duy Anh (1957) và Bình Nguyên Lộc (1971) thế kỉ trước" (Tạ Đức, 2013, tr.816); có chăng Tạ Đức đẩy niên đại tên gọi Lạc Việt lên thời gian sớm hơn "khoảng 4500-5000 năm" mà không thấy đưa ra chứng cứ lịch sử hay ngôn ngữ.

Như vậy nếu từ góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử thì những ý kiến thảo luận của các tác giả vừa được nhắc đến, cho dù đã nhấn mạnh rằng có sử dụng kết quả của nghiên cứu ngôn ngữ học, nhưng chúng tôi nhận thấy đều chưa đáp ứng được nguyên tắc phân tích của chuyên ngành khoa học này. Bởi vì, như P. Bellwood đã phát biểu "Ngôn ngữ học so sánh có một lợi thế…, đó là cơ sở dữ liệu ngôn ngữ học, trong trường hợp của một sinh ngữ". Nhưng nếu từ góc nhìn "sinh ngữ", người ta sẽ nhận thấy hầu như những phân tích về ngôn ngữ học mà các tác giả nói trên dẫn ra để chứng minh cho lập luận của họ hầu như đều bỏ qua hay chưa chú ý đầy đủ đến nguyên tắc "hồi quan (retrospective)", một nguyên tắc của ngôn ngữ học lịch sử do P. Saussure xác định trong nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ (Saussure F. de.,1973). Nói một cách khác, cơ sở dữ liệu ngôn ngữ học mà các tác giả được chúng tôi nhắc đến đều chưa phân biệt rõ ràng sự khác nhau giữa giá trị "đồng đại (synchronic)" và giá trị "lịch đại (diachronic)" trên cơ sở phân tích và tôn trọng "những quy luật ngữ âm lịch sử" như cách nói của Trần Quốc Vượng. Cho nên, đối với chúng tôi, có thể nghĩ rằng tuy ngôn ngữ học lịch sử giữ vị trí thứ hai (sau khảo cổ học) trong nghiên cứu "nhà nước Văn Lang" như cách nói của P. Bellwood nhưng những tác giả như nhà Việt Nam học Đào Duy Anh và những người khác, vì những lí do khác nhau, vẫn còn chưa thực sự sử dụng được kết quả nghiên cứu của ngành khoa học này. Vì thế, rõ ràng, cần có sự góp mặt của những kết quả nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ mới tuân thủ đầy đủ nguyên tắc nghiên cứu của ngôn ngữ học *so sánh* (hay *so sánh - lịch sử*, comparative) đã được công bố trong những năm gần đây.

Cách tiếp cận còn lại, như cách nói của cụ Đào Duy Anh, là vấn đề "ghi chép…trong sách sử cũ". Theo chúng tôi, nếu xét theo nguyên tắc lịch sử, thì đây mới chính là nguồn tài nguyên hay nguồn dữ liệu được coi là cứ liệu quan trọng nhất và cũng là đáng tin cậy nhất để tìm hiểu về nội hàm văn hóa Lạc Việt, một khái niệm đã hiện diện vào thời kì trước Công nguyên, cách chúng ta ngày nay hơn hai nghìn năm. Cho nên, rõ ràng, những nội dung cũng như cách "ghi chép" được cho là đã có trong lịch sử (cả ở Việt Nam và Trung Quốc) hàm chứa những vấn đề phải được tiến hành phân tích và kiểm chứng lại dựa theo "nguyên tắc lịch sử" khi chúng ta sử dụng chúng trong nghiên cứu. Từ góc nhìn như thế của ngôn ngữ học lịch sử, chúng tôi nhận thấy những "ghi chép…trong sách sử cũ" đó cần phải được làm sáng tỏ những khía cạnh cụ thể sau đây.

Thứ nhất, đó là *thời gian xuất hiện* tên gọi *Lạc Việt* trong sử sách ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam. Cho đến hiện nay, kết quả khảo chứng về văn tự học đã có đều ghi nhận một kết quả đáng tin cậy về thời gian tên gọi *Lạc Việt* được ghi lại hay được xuất hiện trong thư tịch (Trần Trí Dõi, 2022, tr.490-510). Cụ thể, nó được nhắc đến lần đầu vào thế kỉ thứ III (291-235 TCn) trong tập *Lã Thị Xuân Thu* của nhóm Lã Bất Vi; nhưng vào thế kỉ III TCn ấy, tên gọi được ghi là *Việt Lạc* (Mông Văn Thông, 1983, tr.82-88) chứ không phải là *Lạc Việt*. Sau đó, trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên (145-86 TCn), chúng ta chỉ thấy nhà sử học nổi tiếng Trung Hoa này ghi thêm yếu tố *Lạc* trong một số tổ hợp (như Âu Lạc, Tây Âu Lạc mà cũng không có Lạc Việt) để nói về những tên gọi liên quan đến nhà nước Nam Việt trong một khối mà ông gọi tên là *Bách Việt* ở phía nam sông Dương Tử; sau đó nữa, chỉ từ bộ *Hán thư* của Ban Cố (thế kỉ I SCn), tên gọi Lạc Việt trong truyện "*Giả Quyên Chi* truyện"

mới chính thức xuất hiện trong sử sách Trung Quốc (Ferlus M., 2008). Như vậy, với thời gian xuất hiện trong thư tịch Trung Quốc như vừa được mô tả, có thể thấy về niên đại, *Lạc Việt* đã được ghi lại bằng *chữ Hán* ở vào giai đoạn *tiếng Hán cổ* (Old Chinese, OC); và ở giai đoạn lịch sử này của tiếng Hán, nó tương ứng với giai đoạn *tiền Việt* của lịch sử ngôn ngữ người Việt.

Do thời gian và tình trạng xuất hiện thông tin về tên gọi *Lạc Việt* trong sử sách như vừa được nói ở trên, chúng ta có thể nhận thấy rằng hầu như tất cả những giải thích sau đó tiếp theo đối với tên gọi *Lạc Việt* đều là phụ thuộc vào nhận thức chủ quan của những tác giả cổ sử viết về tên gọi này trong các tài liệu của các học giả Trung Quốc. Tình trạng xử lí "phụ thuộc vào nhận thức chủ quan" mà chúng tôi nêu ra là có cơ sở; vì, chẳng hạn như, tên gọi *Lạc Việt* được dùng lại trong *Hậu Hán thư* (Phạm D., 1965) là ở vào thế kỉ thứ V, với một khoảng thời gian so với tài liệu *Hán thư* trước đó là 04 thế kỉ. Mặt khác, người ta chưa thấy được những ghi chép chứng minh những tác giả cổ sử viết về tên gọi này hiện diện ở điểm địa lí của tên gọi hay họ có thêm được những ghi chép lịch sử cụ thể trong khoảng thời gian dài hàng nhiều thế kỉ như thế. Cho nên, nhiều khả năng những thảo luận thực sự khoa học về nội dung thực chất cũng như vị trí địa lí của tên gọi ở trạng thái "bất phân thắng bại" mà các học giả Trung Quốc hiện nay đang thể hiện (Mông Văn Thông, 1983; Tưởng Bính Chiêu,…1988) đối với tên gọi được xuất hiện đầy đủ từ thế kỉ thứ ISCn mà chúng ta có thể theo dõi là chứng cứ hay cơ sở của nhận xét mà chúng tôi vừa nêu ra.

Còn vấn đề "ghi chép …trong sách sử cũ" ở Việt Nam thì, về nội dung này, trong một nghiên cứu đã được xuất bản năm 2022 (Trần Trí Dõi, 2022, tr.500-603) chúng tôi đã có một trình bày tương đối chi tiết. Ở đây chỉ xin tóm tắt ngắn gọi như sau. Trong ghi chép về "Kỉ Hồng Bàng thị" ở bộ sách "Đại Việt sử ký toàn thư" thế kỉ XV, là tài liệu chính sử đầu tiên của Việt Nam (Viện KHXH Việt Nam. 1993, tập 1, tr.131-135) đã không sử dụng tên gọi *Lạc Việt* để chỉ "nước Văn Lang" và cư dân nhà nước Văn Lang. Còn ở những ghi chép "dân gian" thì *Lĩnh Nam chích quái* thuộc thế kỉ XIII (Vũ Quỳnh - Kiều Phú 1960, tr 11) cũng như *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên thế kỉ XIV (Lý Tế Xuyên. 2001, tr.91-108) thì chỉ sử dụng tổ hợp "Lạc hầu" mà không thấy xuất hiện tên gọi "Lạc Việt"[3] khi viết về truyền thuyết của thời kì Văn Lang - Âu Lạc. Tuy nhiên, trong cuốn "Dư địa chí" của Nguyễn Trãi thuộc thế kỉ XV (năm 1438), người ta đã thấy xuất hiện tên gọi này. Thế nhưng, trong phần viết về *Kinh Dương Vương* và *Hùng Vương* tên gọi *Lạc Việt* vẫn chưa được sử dụng mà chỉ ở mục giải thích "... khi nhà Hán đánh được Triệu", *Dư địa chí* mới viết như sau: "Sách *Dư địa chí*[4] chép: quận Giao - chỉ ở đời Chu là Lạc - Việt, ở đời Tần là Tây - âu" (Nguyễn Trãi, 1976, tr.212). Như vậy, vào thế kỉ XV (năm 1438) trong cuốn "Dư địa chí" của Nguyễn Trãi mới dùng tên gọi *Lạc Việt*; và có thể xác định đây mới là thời gian hiện diện tên gọi "Lạc Việt" sớm nhất trong một tài liệu địa lịch sử chính thức ở Việt Nam. Và điều quan trọng là nội dung tên gọi Lạc Việt ở đây là dựa theo lời chú giải trong cuốn *Dư địa chí* của Cố Dã Vương (Cố Hy Phùng) là người Trung Quốc viết vào thế kỉ thứ VI, vào thời gian tên gọi được xuất hiện lần đầu khoảng 8 (so với *Lã Thị Xuân Thu*) hay 05 (so với *Hán thư*) thế kỉ. Còn trong bộ chính sử thời nhà Nguyễn, bộ "Khâm định Việt sử thông giám cương mục" (gọi tắt là bộ "*Cương mục*") do *Quốc sử quán triều Nguyễn* thời Tự Đức biên soạn vào cuối thế kỉ thứ XIX (năm 1856-1881) ở phần *tiền biên*, trong số những tên gọi liên quan đến thời Hùng Vương cũng không thấy bộ sử nhắc đến tên gọi Lạc Việt. Chỉ khi viết về "nước Âu Lạc" của "Thục An Dương Vương" trong "Lời chua" giải thích về địa danh Phong Khê nơi đóng đô của vua An Dương Vương các tác giả "Cương mục" mới ghi như sau: "Âu Lạc: Theo *Dư địa chí* của Cổ Hy Phùng, Giao Chỉ về đời Chu gọi là Lạc Việt, về đời Tần gọi là Tây Âu, thế thì đất Tây Âu Lạc lại ở về phía tây Phiên Ngô" (Viện Sử học, 1998, tr.79). Và lần thứ hai cũng trong "Lời chua" giải thích về việc "bắt Tây Âu lệ thuộc" Nam Việt của Triệu Đà, các sử gia "Cương mục" cũng chua như sau: "*Tây Âu lệ thuộc phục dịch*: Theo lời chú giải của Nhan Sư Cổ, Tây Âu tức là Lạc Việt. Tây Âu là một bộ phận trong Lạc Việt. Ý nói lệ thuộc và phục dịch nước Nam Việt" (Viện Sử học, 1998, tr.92). Như vậy, với những gì mà chúng tôi vừa tóm tắt ở trên có thể nói rằng "ghi chép…trong sách sử cũ" mà nhà Việt Nam học Đào Duy Anh nói đến cũng chỉ có niên đại vào thế kỉ XV và điều quan trọng là

cũng đều dựa vào các sử liệu của người Trung Quốc viết từ thế kỉ thứ V trở về sau. Trong một tình trạng *tư liệu giải thích* nội dung tên gọi Lạc Việt trong ghi chép lịch sử đều *không cùng niên đại* với thời gian xuất hiện tên gọi trong sử sách như vừa dẫn ra ở trên, chúng tôi nghĩ rằng cách thức tiếp cận mà ngôn ngữ học thực hiện sẽ, có lẽ, góp phần hữu ích trong việc giải thích nội hàm của tên gọi.

2.2. Khái niệm "Lạc Việt" và "Bách Việt" ở góc nhìn lịch sử ngôn ngữ

Để hiểu rõ nội hàm từ nguyên của tên gọi *Lạc Việt*, ngôn ngữ học lịch sử đã chứng minh rằng tên gọi này phải được đặt trong một nội hàm tên gọi khác là *Bách Việt*. Và về nội dung chi tiết của vấn đề đó, chúng tôi cũng đã có một phân tích với những góc nhìn khác nhau trong một nghiên cứu xuất bản năm 2022 (Trần Trí Dõi, 2022, tr.490-531). Để tránh sự dài dòng và lặp lại không cần thiết, ở đây chỉ xin tóm lược những phân tích và lí giải đã được công bố. Trước hết là nói về tên gọi *Bách Việt* (**百越**, Băiyuè). Đây là cách người Trung Quốc Tư Mã Thiên dùng trong tập *Sử ký* để phiếm gọi một vùng lãnh thổ phía nam sông Dương Tử. Ở góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử, nhà ngôn ngữ học M. Ferlus đã viết như sau: "Những chữ được sử dụng ở đây là chữ ghi âm (phonogrammes) dùng để ghi lại những tên gọi không thuộc Hán; cho nên ý nghĩa của tổ hợp "Bách Việt" không thể giải thích bằng ý nghĩa của từng yếu tố hợp thành tổ hợp, tức ở đây cách giải thích nghĩa mà theo đó "băi **百**, bách" là "một trăm (cent)" và "yuè **越**, việt)" là "cái qua (hache de guerre)"" (Ferlus M., 2011, tr.1) là cách giải thích không logic xét theo nguyên tắc ghi âm[5] theo góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử. Vì thế, ông viết "Cho nên, phải tiến hành xem xét lại giá trị ngữ âm của chúng và so sánh những chỉ dẫn về tộc người giữa dạng thức cổ xưa và dạng thức hiện nay" (Ferlus M., 2011, tr.1)[6] để từ đó hiểu về "nghĩa" của chúng đúng như cách thức mà P.Bellwood trình bày khi ông phân tích về lợi thế của ngôn ngữ học lịch sử trong nghiên cứu văn hóa thời kì tiền sử.

Cho nên, qua cách giải thích của M. Ferlus về khái niệm "Bách Việt" (**百越**, Băiyuè) trong "Sử ký" của Tư Mã Thiên, người ta có thể nhận thấy "*wat với nét nghĩa "vùng lãnh thổ (territoire délimité)" đã là một khái niệm có nguồn gốc ngôn ngữ Nam Á gia nhập vào tiếng Hán cổ nhưng về sau đã hoàn toàn mất đi trong cách dùng của chính người Hán (nghĩa là chữ Hán ấy không còn được lưu giữ nét ý nghĩa ban đầu khi từ này được vay mượn vào tiếng Hán ...), trong khi đó nét nghĩa ấy vẫn được duy trì ở những ngôn ngữ bên ngoài (ở những vùng đất ở phía nam Trung Quốc); và âm đó được viết bằng chữ Hán biểu âm (phonogramme) **越** (SV: *việt*, bính âm: *yuè*) có yếu tố chỉ nghĩa trong chữ Hán cổ là "cái búa lớn (hache de combat)", rồi sau đó nó lại được vay mượn trở lại vào tiếng Khmer và sau đó là được vay mượn ở cả tiếng Thái"[7] (Ferlus M.,2011, tr.5). Và như vậy, tên gọi "Bách Việt" (**百越**, Băiyuè) trong "Sử ký" của Tư Mã Thiên ở giai đoạn tiếng Hán cổ (OC) là dùng để gọi tên vùng "đất phía Lĩnh Nam với nhiều tiểu vùng khác nhau (nhiều *wat - **越** khác nhau)"; về sau, có thể từ giai đoạn tiếng Hán trung đại (MC), chữ **越** mới được giải thích như là tên riêng để gọi tên một "quốc (nước)".

Và khi đã giải thích "Việt **越**" trong "Bách Việt" (**百越**) là như trên thì "Lạc Việt **雒 越**) ở giai đoạn tiếng Hán cổ (OC) cũng không mang giá trị như một định danh để chỉ gọi tên một "quốc (nước)". Về bản chất, ở giai đoạn Hán cổ người Hán dùng chữ Hán **雒 越** để ghi lại âm đọc [*p.rak *wat] của những ngôn ngữ cư dân Môn - Khmer (trong đó có nhóm tiếng Việt) thuộc phần đất phía nam sông Dương Tử. Trong những ngôn ngữ này, âm đọc đó có nghĩa là "vùng đất cư dân sinh sống tự nhận mình là *người* ([*p.rak])", tức là *tên tự gọi* (autonym) có giá trị như một *tộc danh* (ethnonym) mà những người nói các ngôn ngữ Môn - Khmer tự nhận. Về sau, từ sách *Giao Châu ngoại vực ký* (thế kỉ thứ IV) và *Hậu Hán thư* (thế kỉ thứ V), tên tự gọi đó được các học giả Trung Quốc coi như (hoặc giải thích như) là một tên gọi hay *địa danh* để chỉ một "quốc danh, *tên nước*), trong đó có không ít người gắn với địa danh quận *Giao Chỉ* (**交趾**). Như vậy, tên gọi được kí âm bằng chữ Hán **雒 越** (SV: *lạc việt*) đã thay đổi từ *tên tự gọi* (autonym, tộc danh) sang tên *tên được gọi* (exonym) và

không được lưu giữ nghĩa từ nguyên ban đầu là "vùng đất mà cư dân tự nhận mình là *người*" như ban đầu nữa. Và rồi từ thế kỉ thứ V về sau, trong sử sách Trung Quốc, không ít học giả giải thích *lạc việt* là một tên gọi hay *địa danh* (toponym). Tên gọi Lạc Việt, khi nhìn nhận theo góc nhìn từ nguyên học do ngôn ngữ học lịch sử xác lập, như vậy, nó có dạng thức ngữ âm và ngữ nghĩa tương ứng với ngôn ngữ của các nhóm khác nhau thuộc nhánh Môn - Khmer ở Đông Nam Á , trong đó có lãnh thổ Việt Nam hiện nay; vì thế, nhiều khả năng nó chính là một tên tự gọi của cộng đồng người nói những ngôn ngữ Môn - Khmer cư trú ở lục địa Đông Nam Á và có thể một phần phía nam của lãnh thổ Trung Quốc như chúng tôi đã từng nhiều lần phân tích (Trần Trí Dõi, 2023). Do đó những diễn giải cho rằng người Lạc Việt là một phận cư dân di cư từ lãnh thổ Trung Quốc xuống định cư ở địa bàn văn hóa Đông Sơn, nếu từ góc nhìn của lịch sử ngôn ngữ người Việt, là hoàn toàn chưa đủ cơ sở khoa học.

3. Kết luận

Ở góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử, người Việt cũng như trong ngôn ngữ người Việt không có tranh chấp tên gọi Lạc Việt (chữ Hán 雒 越, 駱越, 絡 越). Bởi vì, về bản chất, đây là một danh xưng *tự gọi* (hay là tên *tự gọi*, autonym) có giá trị như một *tộc danh* (ethnonym) của một cộng đồng cư dân nói những ngôn ngữ Môn - Khmer (Mon - Khmer) thuộc họ ngôn ngữ Nam Á (Austroasiatic family) có niên đại ngữ thời học (glottchronology) cư trú ở Đông Nam Á lục địa từ khoảng ± 6.300 TCn. Trong cộng đồng cư dân nói những ngôn ngữ Môn - Khmer đó, có một bộ phận cư dân nói những ngôn ngữ *nhóm tiếng Việt* (group of Vietic); cho nên danh xưng *tự gọi* "Lạc Việt" ấy cũng chính là danh xưng của bộ phận cư dân nói những ngôn ngữ *nhóm tiếng Việt* (group of Vietic) mà *tiếng Việt* (language Vietnamese) và người Việt hiện nay là một thành viên.

Trên cơ sở phân tích địa lí cư trú của cộng đồng cư dân đang sử dụng những ngôn ngữ Môn - Khmer hiện nay, chúng ta có cơ sở khoa học để đưa ra những kết luận rằng cư dân đang sử dụng những ngôn ngữ Môn - Khmer, vốn là cư dân bản địa của vùng lục địa Đông Nam Á, có niên đại tách ra từ họ Nam Á trong quãng thời gian ± 4.000 TCn; và cư dân nói những ngôn ngữ *nhóm tiếng Việt* được tách ra từ cộng đồng sử dụng những ngôn ngữ Môn - Khmer trong quãng thời gian ± 1.400 TCn. Ở vào thời gian tương đối này, địa bàn sinh sống của cư dân sử dụng những ngôn ngữ *nhóm tiếng Việt* tương ứng với địa bàn văn hóa Đông Sơn mà khoa học khảo cổ cùng ngôn ngữ học đã xác định bao gồm vùng châu thổ sông Hồng và vùng giữa của thung lũng sông Mê Công. Cho nên, nếu tham chiếu với tiến trình lịch sử ngôn ngữ người Việt, có thể xác định rằng thời gian lịch sử mà chúng ta đang thảo luận chính là *giai đoạn tiền Việt* trong lịch sử ngôn ngữ người Việt. Ở vào giai đoạn này, ngôn ngữ của nhóm người Việt đã có tiếp xúc với ngôn ngữ của nhóm tiếng Hán và giữa chúng đã có sự vay mượn lẫn nhau về từ vựng.

Cho nên, từ góc nhìn của ngôn ngữ học lịch sử của ngôn ngữ người Việt, có đầy đủ cơ sở khoa học nhận định về tên gọi *Lạc Việt*. Ở thời kì tiếng Hán cổ (OC) tương ứng với giai đoạn tiền Việt (PV), người Hán đã vay mượn tên *tự gọi* này từ những ngôn ngữ Môn - Khmer và dùng chữ Hán có âm đọc ở giai đoạn Hán cổ tương ứng với âm đọc Môn - Khmer được vay mượn để ghi lại tên gọi đó. Không những thế, cư dân nói những ngôn ngữ nhóm tiếng Thái (Taic) cũng đã vay mượn tên gọi chỉ người từ những ngôn ngữ Môn - Khmer (W. Ostapirat, 2000; J.R.Chamberlain, 2016; 2018). Về sau, ở giai đoạn lịch sử tiếng Hán trung đại (MC), học giả Trung Quốc về cơ bản khi ghi lại tên gọi ở giai đoạn Hán cổ hầu như đều giải thích tên tự gọi gốc Môn - Khmer này như một địa danh định danh một quốc gia hay một vùng đất; trong khi đó, ở giai đoạn Việt - Mường cổ (AVM) tương ứng, ngôn ngữ người Việt chưa có chữ viết và người Việt phải dùng chữ Hán trong giao tiếp xã hội nên dạng ngữ âm của tên tự gọi ở giai đoạn tiền Việt không được lưu giữ bằng chữ viết. Vì thế, nếu theo cơ sở ngữ liệu của ngôn ngữ học thì chủ thể sử dụng tên gọi Lạc Việt là cư dân Môn - Khmer, trong đó có cư dân nói ngôn ngữ nhóm tiếng Việt. Những cư dân sử dụng ngôn ngữ nhóm tiếng Thái tuy cũng đã sử

dụng tên gọi gốc Môn - Khmer này nhưng là do vay mượn về sau chứ không phải có từ ban đầu như một vài nghiên cứu đã thể hiện (Lương Đ. V,…2018).

Chú thích:

[1] Xin lưu ý là khái niệm *tiền sử* trong lịch sử ngôn ngữ người Việt mà chúng tôi dùng ở đây là để nhấn mạnh đặc điểm "ngôn ngữ của người Việt chưa có chữ viết" theo góc nhìn của ngôn ngữ học; vì thế nó có thể chưa thật tương thích với khái niệm được dùng của những khoa học nhân văn khác, chẳng hạn như của khoa học lịch sử.

[2] Nguyên văn đoạn viết của tác giả: "Năm 690 TCN, nước Sở diệt nước La có kinh đô ở Nghi Thành, Hồ Bắc, dồn ép dân La về vùng sông Mịch - La, ven hồ Động Đình, Hồ Nam. Hoàng tộc La có họ Hùng, họ Mị di tản khắp bốn phương..., đã lập ra nhiều nước mới ở vùng Nam Dương Tử, trong đó có nước Văn Lang ở vùng đồng bằng sông Hồng...Nước La trên lại chính là nước Việt được ghi bằng chữ Việt trong văn giáp cốt Thương, có kinh đô ở Lão Ngưu Pha (nay thuộc Tây An, Thiểm Tây). Năm 1046 TCN, Chu diệt Thương, ép người Việt từ Lão Ngưu Pha về Nghi Thành, Hồ Bắc... Người La là người Việt và La chính là tên gọi tắt tương ứng với Lạc, người La chính là người Lạc Việt...Xét nguồn cội sâu xa hơn, người La hay Việt là con cháu của một nhóm Lạc Việt chủ nhân của văn hóa Lương Chữ từ vùng Chiết Giang - Giang Tô thiên di đến vùng sông Lạc, Hà Nam cách đây khoảng 4500-5000 năm" (Tạ Đức 2013, tr.814).

[3]Trong một bài viết công bố vào năm 2017, ở chú thích số 2 trang 52, chúng tôi đã từng cho rằng "có cơ sở để cho rằng, yếu tố "Lạc" và "Lạc Việt" được người Việt (Nam) sử dụng sớm nhất là khoảng thế kỉ XII - XIV" (Trần T. D. 2017, tr.52). Vào thời điểm năm 2021, sau khi kiểm tra lại tư liệu ở *Việt điện u linh* và kết hợp với việc khảo sát lại *Truyện họ Hồng Bàng* ở *Lĩnh Nam chích quái*, chúng tôi nhận thấy chưa thể chứng minh ở thế kỉ XII - XIV người Việt Nam đã dùng tên gọi Lạc Việt mà chỉ dùng yếu tố Lạc ghép với một yếu tố khác trong những tài liệu được nhắc đến đó.

[4]Xin lưu ý là sách *Dư địa chí* được nói ở đây là sách của tác giả người Trung Quốc Cố Dã Vương, một nhà địa lí nổi tiếng ở thế kỉ thứ VI chứ không phải là *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi.

[5] Nguyên văn đoạn trích bằng tiếng Pháp: "Les caractères utilisés sont des phonogrammes qui transcrivent des vocables non chinois ; la signification de l'expression Băiyuè ne peut s'expliquer par le sens propre des caractères composants, ici *băi* 百"cent" et *yuè* 越"hache de guerre".

[6]Nguyên văn đoạn trích bằng tiếng Pháp: "Il faut donc procéder à une restitution de leur prononciation et la comparer aux désignations ethniques anciennes et actuelles".

[7] Nguyên văn bằng tiếng Pháp " *wa t avec le sens de "territoire délimité" serait une notion dela langue chinoise, sorti de l'usage proprement chinois (il n'a pas de caractère en propre et n'est pas dans GSR), mais maintenu pour l'usage extérieur (les pays méridionaux), écrit avec le phonogramme yuè 越 "hache de combat", puis finalement introduit en khmer ancien et de ce dernier en thaï".

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tiếng Việt

1. Đào Duy Anh (1997), *Đất nước Việt Nam qua các đời,* Nxb Thuận Hóa, Huế 1997, 264 tr.
2. Đào Duy Anh (1950), *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, Nxb Thế giới - Hà Nội 1950, 80 trang.
3. Đào Duy Anh (1954), *Văn hóa Đông - sơn hay văn hóa Lạc - việt*, Tập san nghiên cứu Sử ký - Địa lí.
4. Văn học (Sử Địa Văn), số 1 tháng 6.1954, Ban nghiên cứu Sử Địa Văn *xuất bản*, tr.14-29.
5. Nguyễn Quang Ngọc (*chủ biên*) (2000), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục-2000, 399 tr.

6. Nguyễn Ngọc Thơ (2011), *Nhận diện văn hóa Lạc Việt*, trong "Di sản lịch sử: những hướng tiếp cận mới", Nxb Thế giới, Hà Nội 2011, tr 87-137.
7. Tạ Đức (2013), *Nguồn gốc người Việt - người Mường*, Nxb Tri thức, 843 tr.
8. Trần Quốc Vượng (1970) , *Từ truyền thuyết, ngữ ngôn đến lịch sử*, trong " Hùng Vương dựng nước, tập I", Nxb Khoa học xã hội, tr 148-155.
9. Trần Trí Dõi (2022), *Lịch sử ngôn ngữ người Việt góp phần tìm hiểu văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội -2022, 604 tr.
10. Trần Trí Dõi (2023), *History of language of Vietic: Contributions to undestanding Vietnamese culture*, Journal of Viet Nam hoc (Tạp chí Việt Nam học) - NCKU TAIWAN, Vol.4, No.2, July 2023, pp. 32-65.
11. Hán Văn Khẩn (2011), *Vấn đề nông nghiệp thời đại sắt sớm ở Bắc Việt Nam*, trong "Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (2006-2011)", Nxb Thế giới, tr 243-296.
12. Viện KHXH Việt Nam (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư - dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)*, tập 1-4, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1993.
13. Vũ Quỳnh - Kiều Phú (1960), *Lĩnh nam chich quái*, Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1960, 139 tr.
14. Lý Tế Xuyên (2001), *Việt điện u linh*, Nxb Văn học, Hà Nội 2001.
15. Nguyễn Trãi (1976), *Toàn tập*, *in lần thứ hai có sử chữa bà bổ sung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1976.
16. Viện Sử học (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1-3, Quốc sử quán triều Nguyễn *biên soạn*, Nxb Giáo dục 1998.
17. Trần Trí Dõi (2017), "Trao đổi thêm về từ nguyên của yếu tố "lạc (luò 雒/駱)" trong tổ hợp "lạc việt (luòyuè 雒越)"", T/c Bảo tàng & Nhân học, số 2 (18) - 2017, tr.41-53.
18. Bellwood Peter (2010), *Nguồn gốc của các xã hội nông nghiệp: Những nhà nông đầu tiên*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 343 tr.
19. Saussure F. de (1973), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1973, 398 tr.

Tiếng nước ngoài

20. Hong Hai Dinh and Kelley Liam C (2021), *Competing Imagined Ancestries: The Lạc Việt, the Vietnamese, and the Zhuang*. In Vietnam at the Vanguard: New Perspectives Across Time,Space, and Community, edited by Jamie Gillen, Liam C. Kelley and Phan Le Ha, pp 89-107. Springer/Institute of Asian Studies (Universiti Brunei Darussalam) "Asia in Transition" Series. Singapore: Springer, 2021.
21. Mông Văn Thông 蒙文通 (1983), *Lạc Việt và Tây Âu* (骆越 与西瓯), In trong "Việt sử tùng khảo (越史丛考)", Nhân Dân xuất bản xã (人民出版社) 1983, tr.82-88.
22. Ferlus M. (2008), *Etymology of *wat/yuè (越) " people, principality" (as in Băiyuè 百越)*, The 41 st ICSTLL, 17-21 September 2008 - SOAS, University of London.
23. Ferlus M. (2011), *Les Băiyuè (百越) ou les "pays des (horticulteurs/mangeurs de) tubercules"* 24 èm e Jo u rn é e s d e Li n g u i st i q u e d e l 'Asie Ori e n t a l e, 30 juin - 1er juillet 2011, Paris, 12 pp.
24. Tưởng Bính Chiêu, Ngô Cẩm Cát, Tân Sỹ Thành 蒋炳钊 吴锦吉 辛土成 (1988), *Văn hóa dân tộc Bách Việt* 百越民族文化, Học lâm xuất bản xã, Thượng Hải 学林出版社, 上海.
25. Trần Trí Dõi (2023), *The geographical distribution of autonyms for 'person/people' in the Mon-Khmer languages of South East Asia and its contribution to the understanding of the original location (homeland) of the Luòyuè residents*. In Hiroyuki Suzuki and Mitsuaki

Endo (eds.) Proceedings of the fifth International Conference on Asian Geolinguistics,1–11.doi:https://doi.org/10.5281/zenodo.8374552.
26. Weera Ostapirat (2000), *Proto-Kra*. Linguistics of the Tibeto-Burman Area 23.1.
27. Chamberlain, J. R. (2016), *Kra-Dai and proto-history of South China and Vietnam*, Journal of the Siam Society 104, pp.27–76.
28. Chamberlain, J. R. (2018), *A Kri-Mol (Vietic) bestiary: Prolegomena to the study of ethnozoology in the Northern Annamites*, Kyoto Working Papers on Area Studies, 133, p.1-171. URI: http://hdl.handle.net/2433/231260.
29. Lương Đình Vọng, Lệ Thanh *chủ biên* 梁庭望 厉声: 主编 (2018), *Lạc Việt phương quốc nghiên cứu* (thượng hạ sách) **骆越方国研究 (**上下册**)**, Dân tộc xuất bản xã 民族出版社.

Language history of Vietic in relation to cultural issures in Vietnam history

Abstract: In a nation's cultural history, its language always plays a critical role as a cultural element for development. However, when introducing several cultural issues in Vietnam history, researchers have rarely used existing results from historico-comparative linguistics to explain them. Using the current interdisciplinary approach in humanities, on the basis of the language history of Vietic, this paper presents discussion of cultural issues in prehistoric and early times in Vietnam, as many of these are based on indirect Sino historical sources. Therefore, recent contributions from research on the language history of Vietic - a cultural element of the people of Vietic in those days - are likely necessary and useful for explaining these issues.

Key words: cultural history; Vietnam history; language of Vietic; Lac Viet.